

# **PHÂN TÍCH DỮ LIỆU CÁC CÔNG TY NGÀNH BÁN DẪN TẠI VIỆT NAM (2018-2022)**

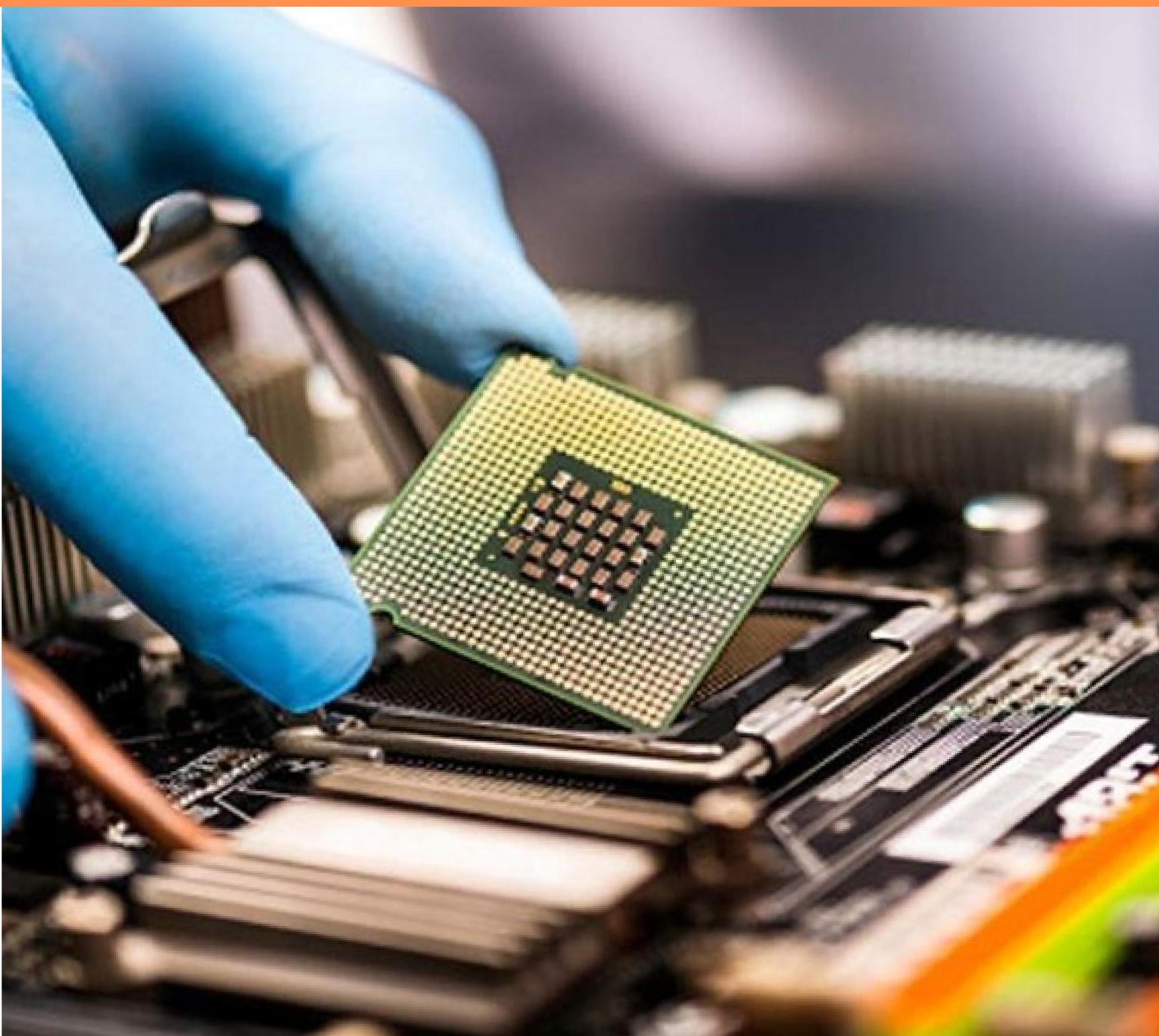
Learn More



# MỤC LỤC



- I. Giới thiệu
- II. Bảng cân đối kế toán
- III. Báo cáo kết quả kinh doanh
- IV. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ



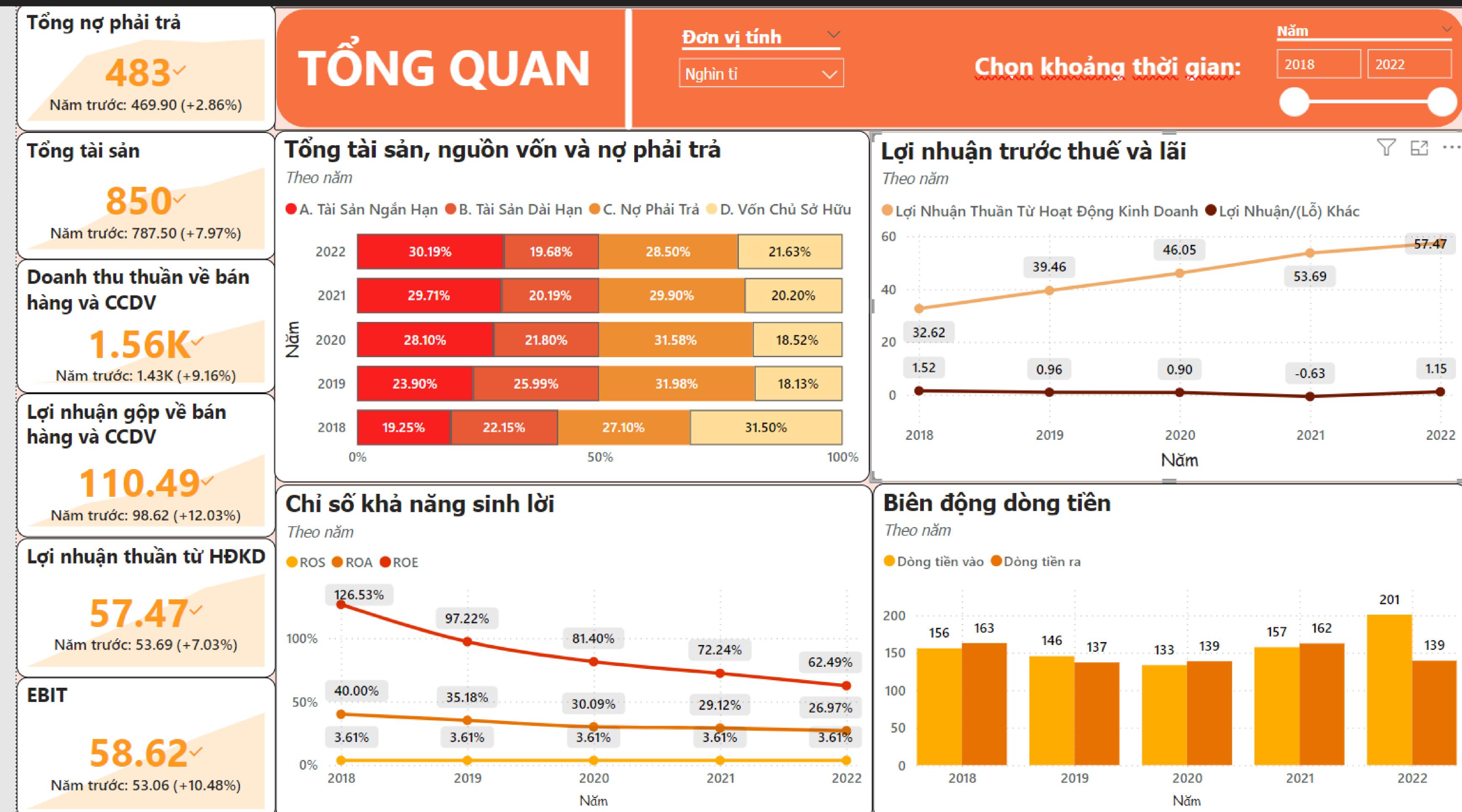
# Giới thiệu

Ngành công nghiệp bán dẫn là ngành then chốt của kinh tế toàn cầu, thúc đẩy công nghệ và đổi mới. Sản phẩm bán dẫn như chip vi xử lý, bộ nhớ và cảm biến là thành phần cốt lõi trong thiết bị điện tử hiện đại. Các sự kiện lớn như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, khủng hoảng kinh tế toàn cầu và cú sốc hậu Covid-19 đã đẩy nhu cầu về sản phẩm bán dẫn tăng cao. Việt Nam nổi lên như điểm đến hấp dẫn cho các nhà sản xuất bán dẫn nhờ chi phí lao động cạnh tranh, ổn định chính trị và chính sách hỗ trợ đầu tư.

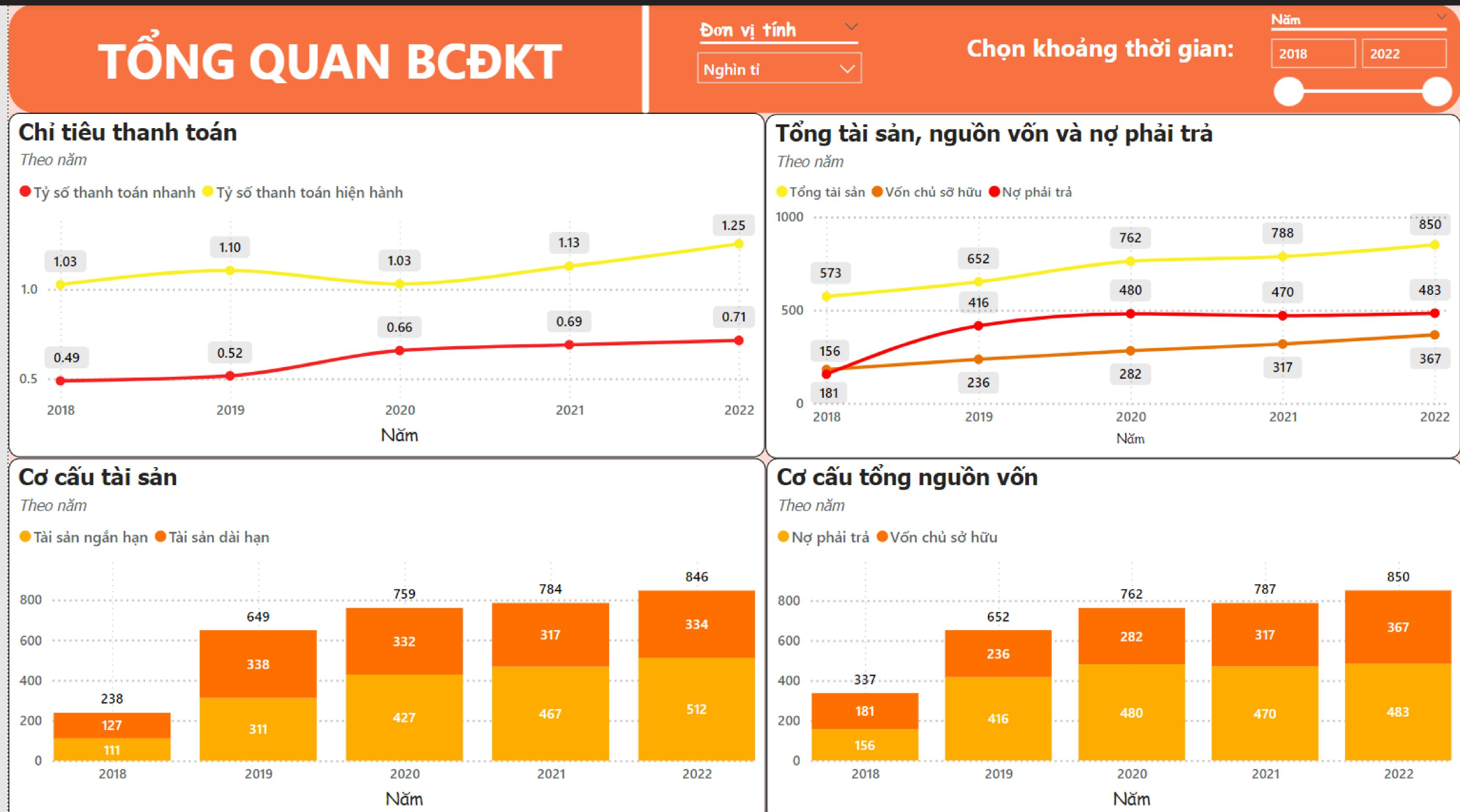
Bài phân tích sau đây nhằm mục đích đánh giá hiện trạng, các điểm đáng lưu ý, và xu hướng chung của các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam trong giai đoạn 2018-2022. Dựa vào dữ liệu từ các công ty trong ngành và các thông tin từ nguồn công khai, bài phân tích sẽ cung cấp cái nhìn tổng quan về sự phát triển của ngành cũng như những xu hướng nổi bật trong ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam.

# Tổng quan về Dashboard

Dashboard gồm tổng cộng 6 trang: Tổng quan, Tổng quan Bảng cân đối kế toán, Cơ cấu tài sản, Cơ cấu nguồn vốn, Tổng quan báo cáo kết quả kinh doanh, Tổng quan báo cáo lưu chuyển tiền tệ



# I. BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN



# CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị tính

Nghìn tỉ

Chọn khoảng thời gian:

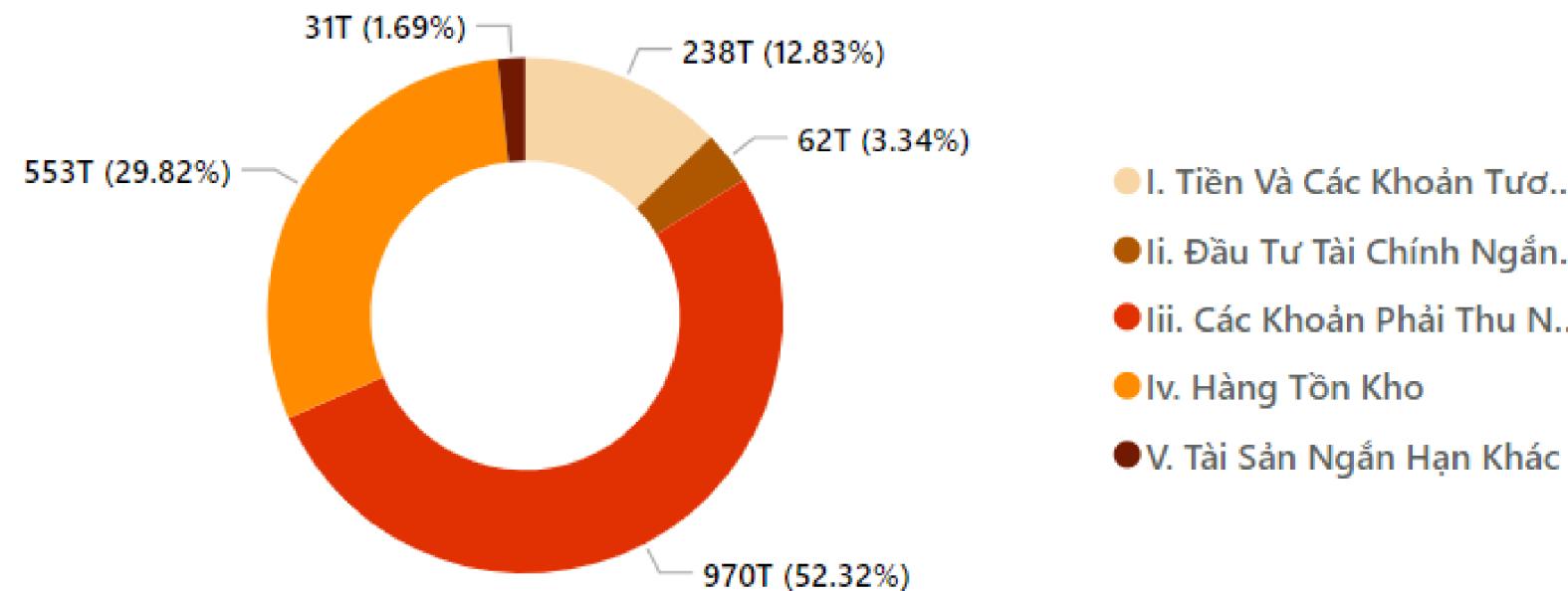
Năm

2018

2022

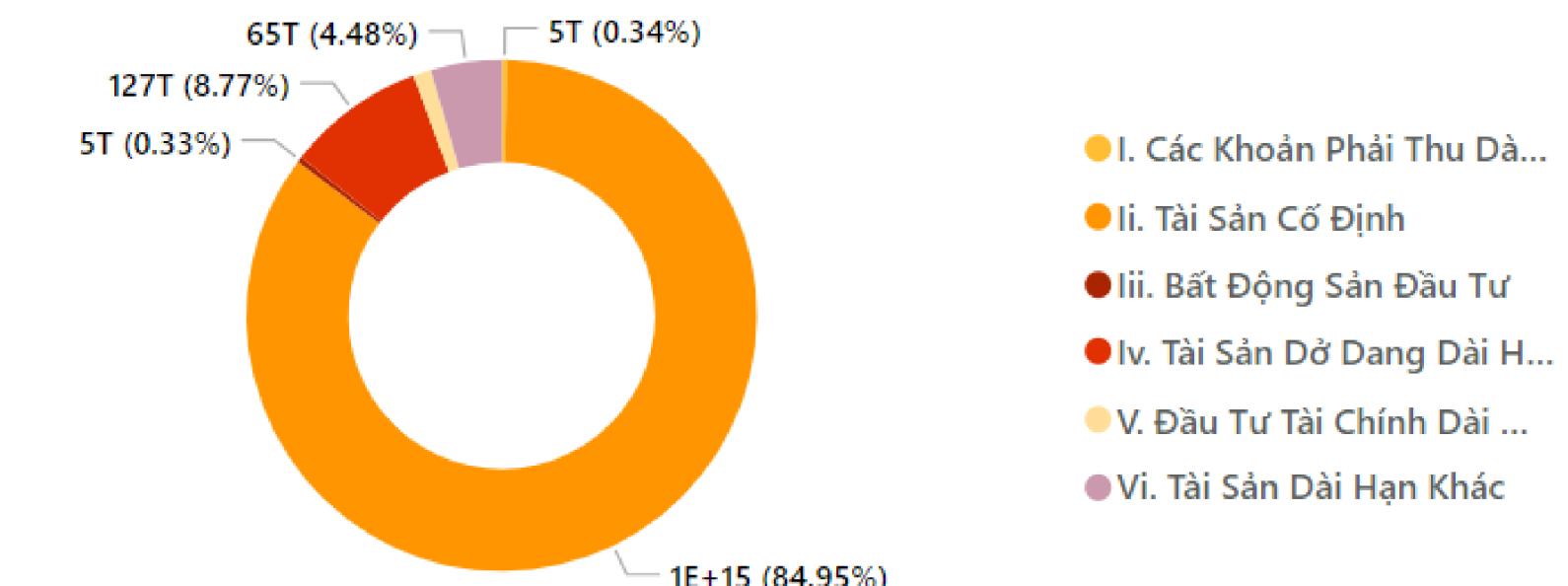
## Cơ cấu tài sản ngắn hạn

Theo năm



## Cơ cấu tài sản dài hạn

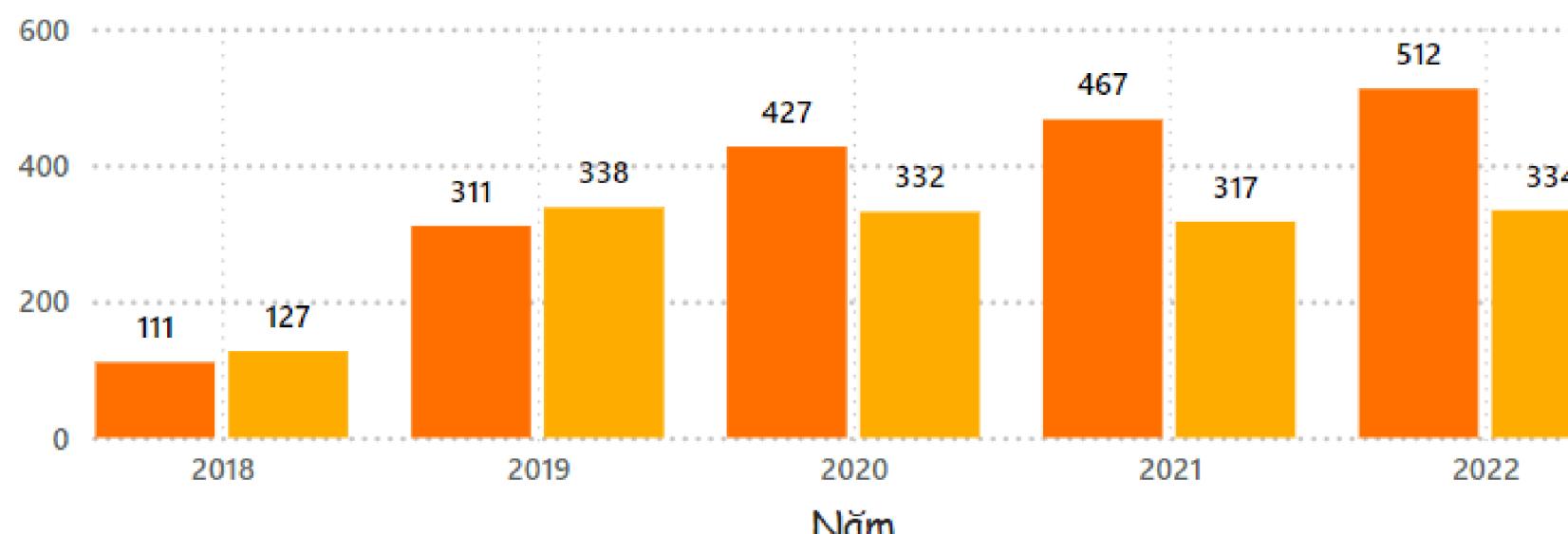
Theo năm



## Cơ cấu tài sản

Theo năm

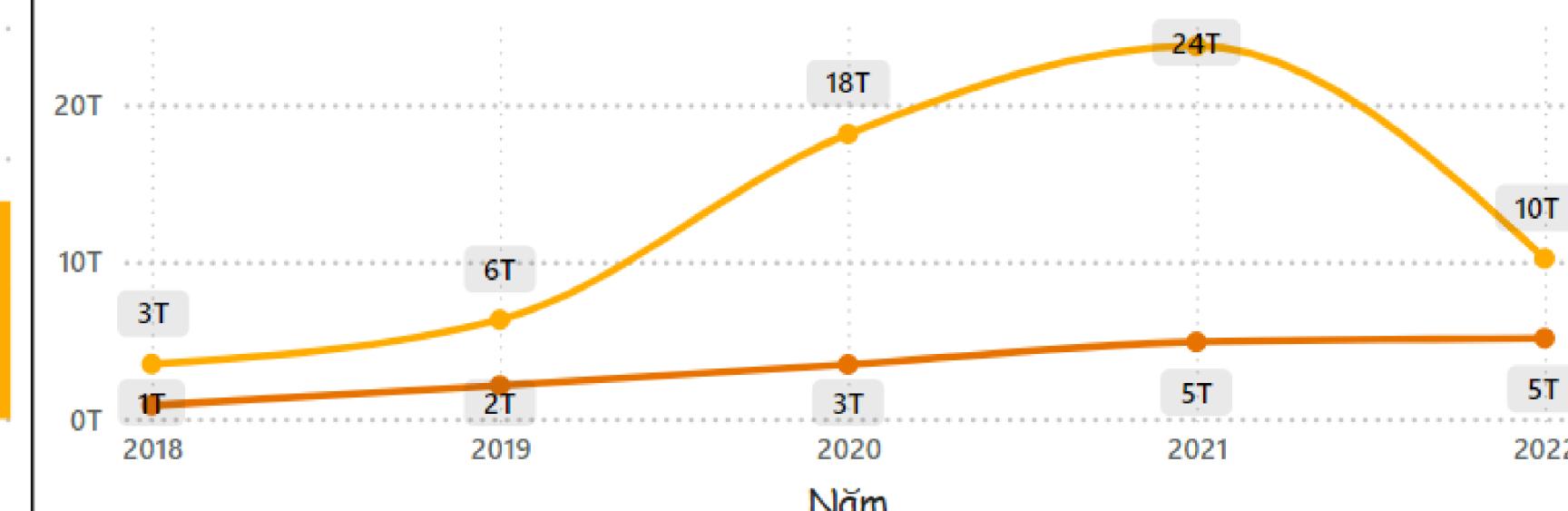
● Tài sản ngắn hạn ● Tài sản dài hạn



## Biến động các chỉ tiêu

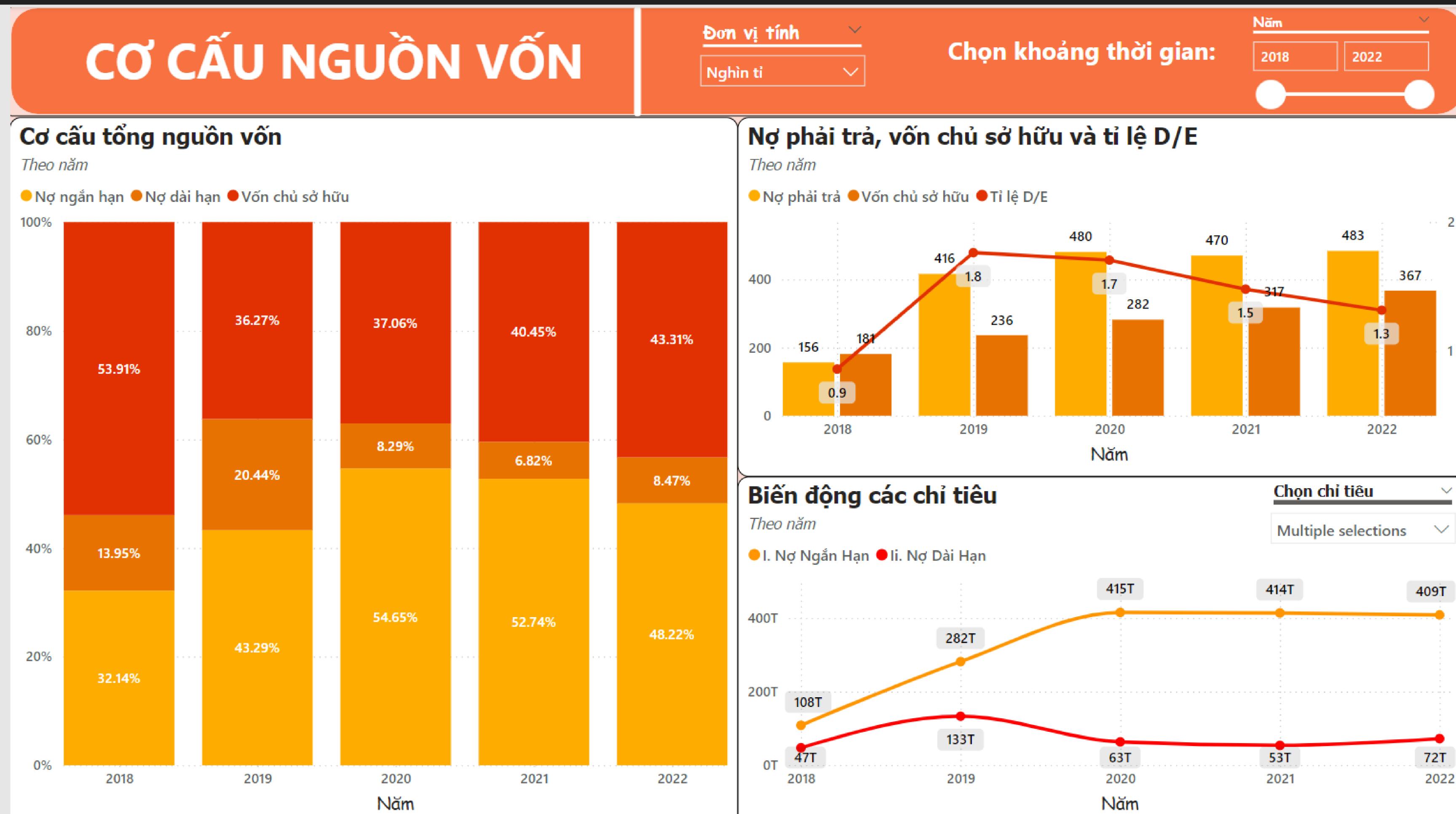
Theo năm

● ii. Đầu Tư Tài Chính Ngắn Hạn ● V. Đầu Tư Tài Chính Dài Hạn

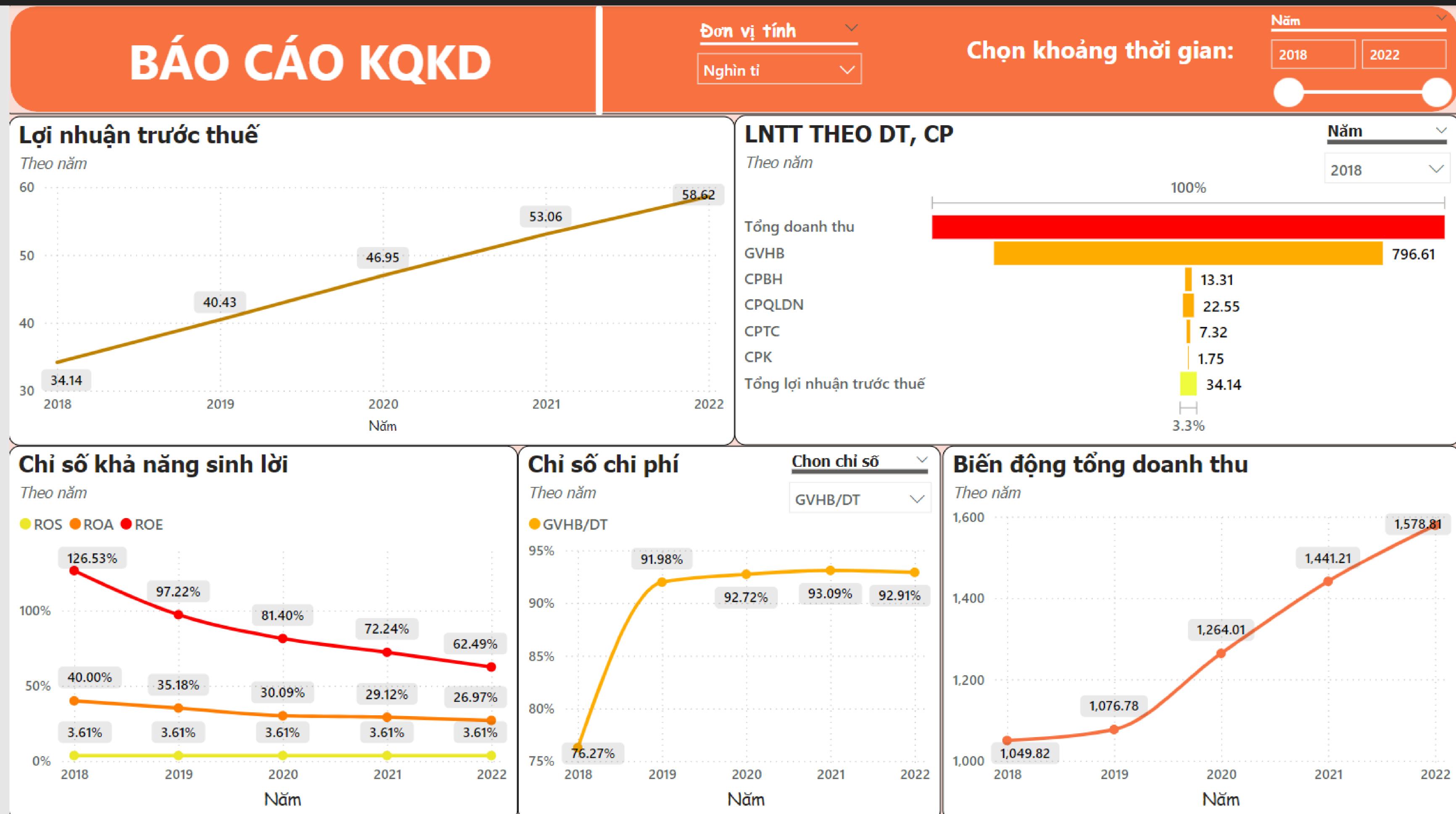


Chọn chỉ tiêu

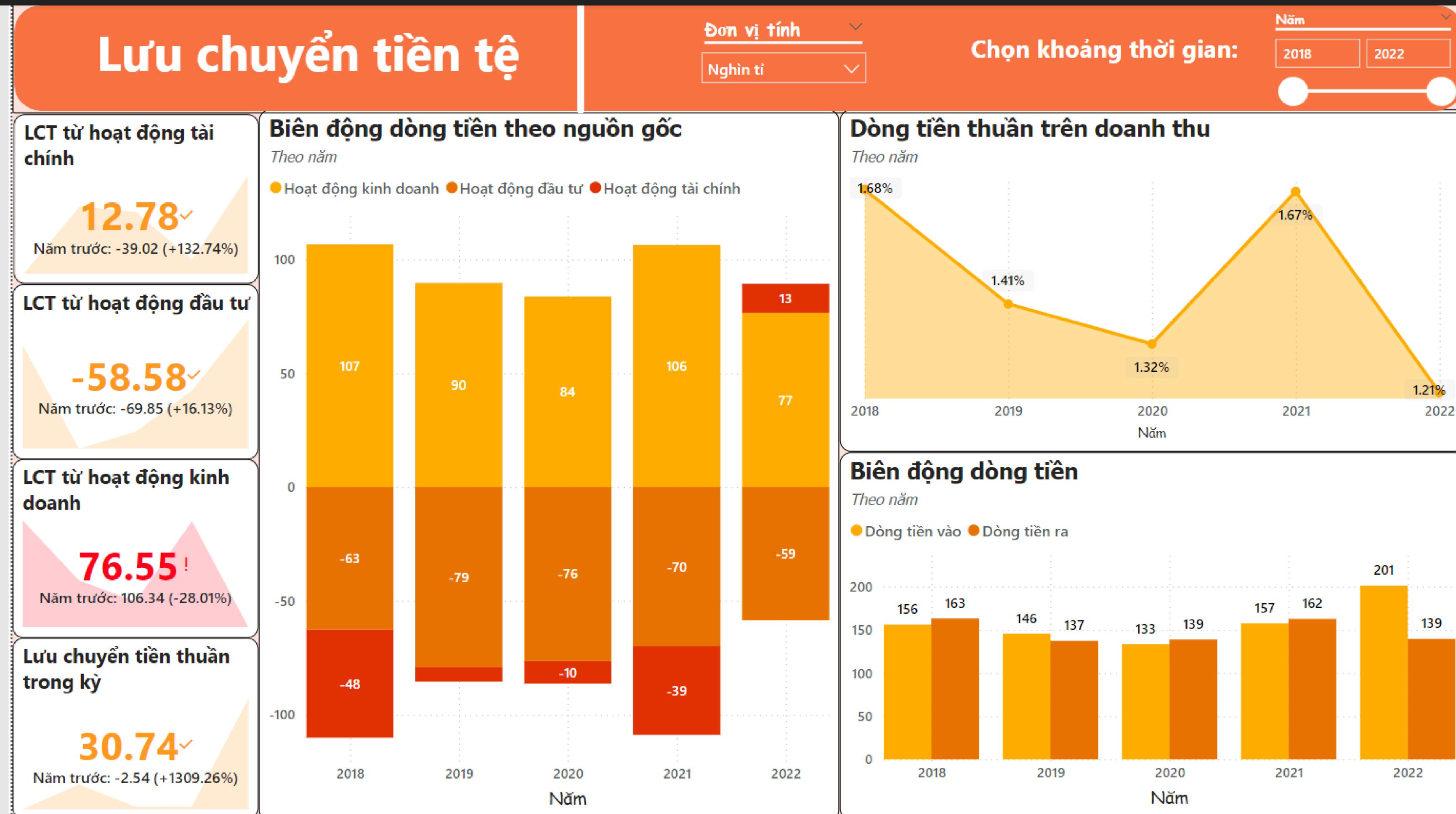
Multiple selections



# II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

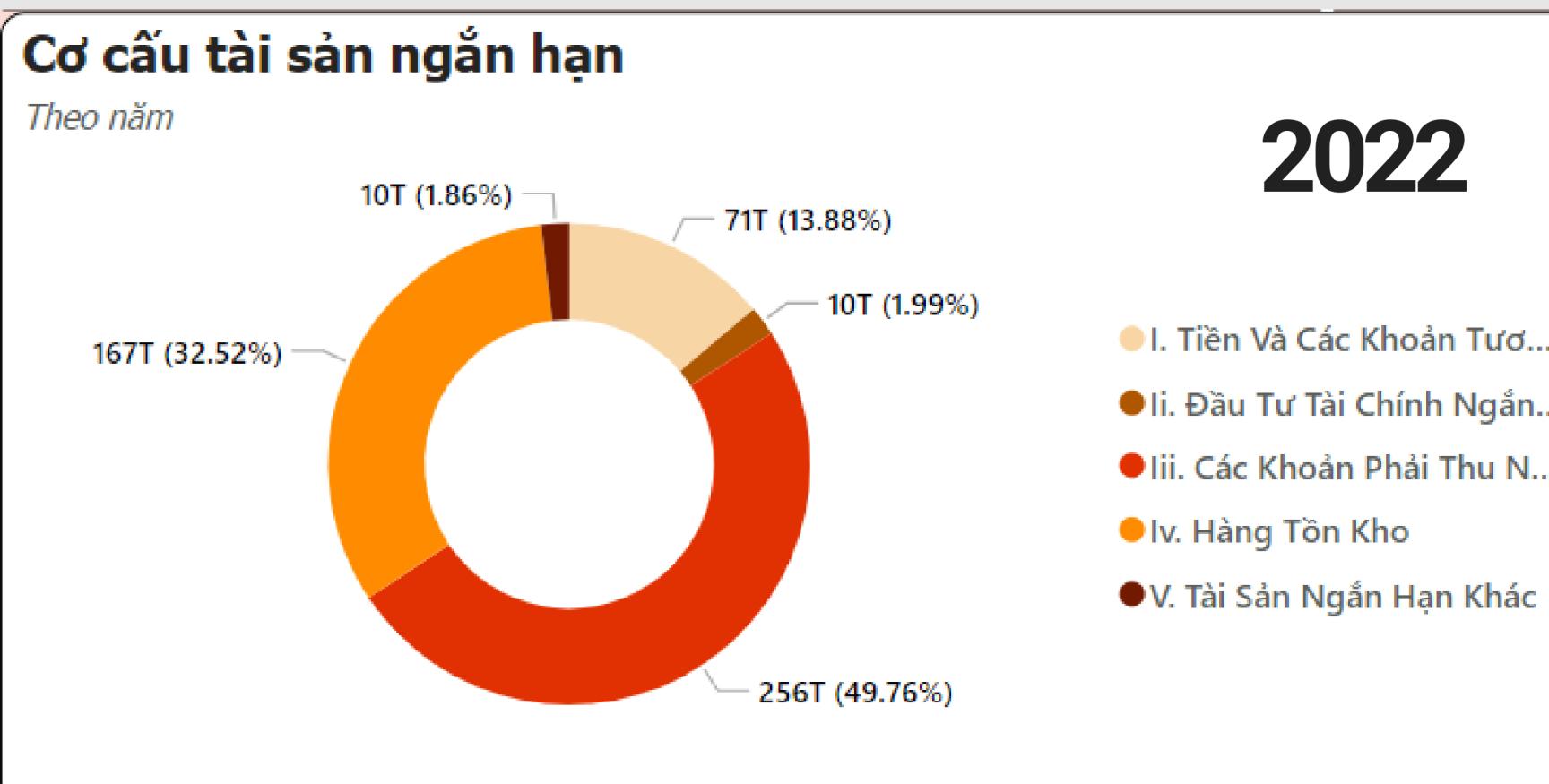
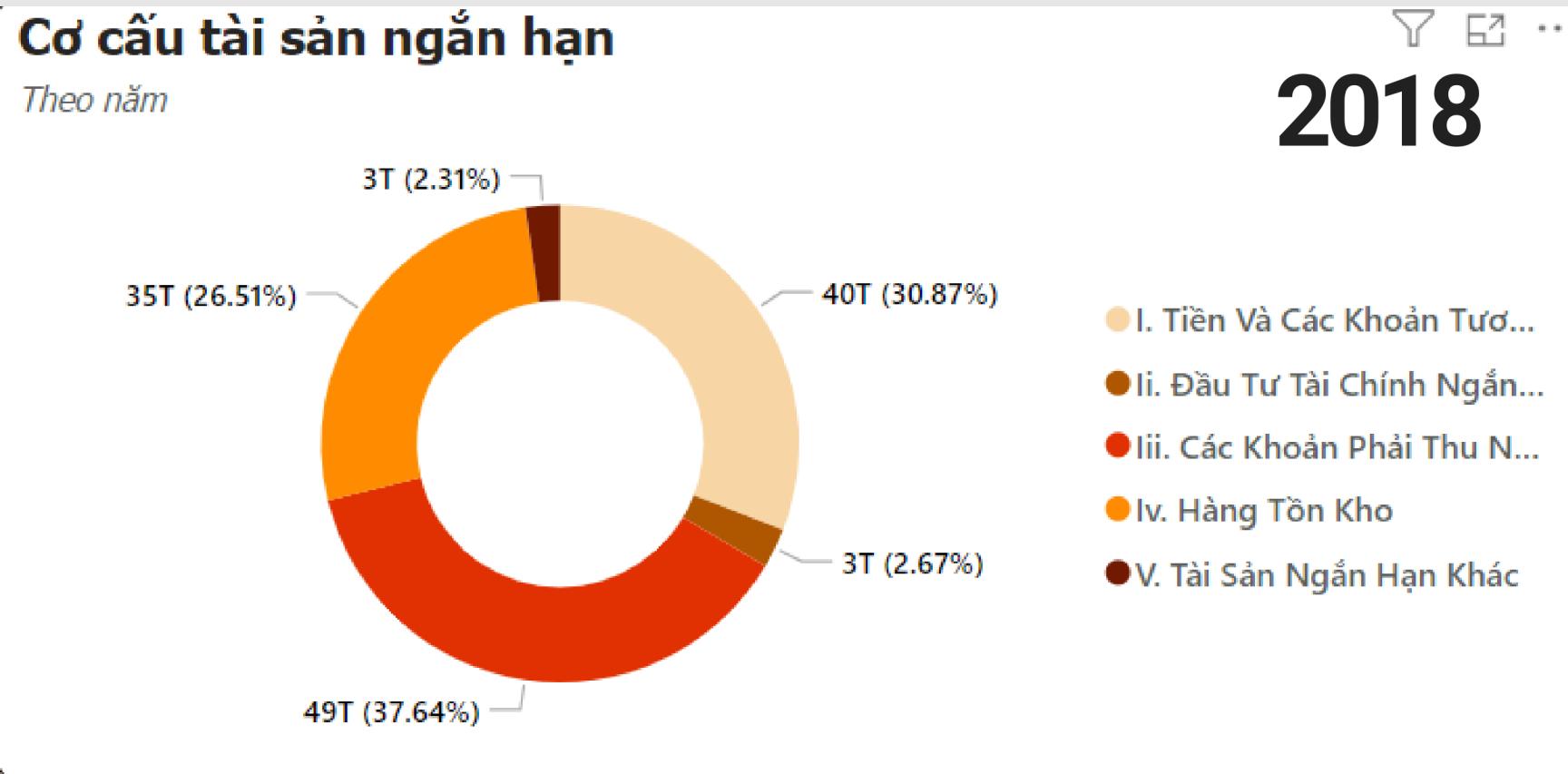


# III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

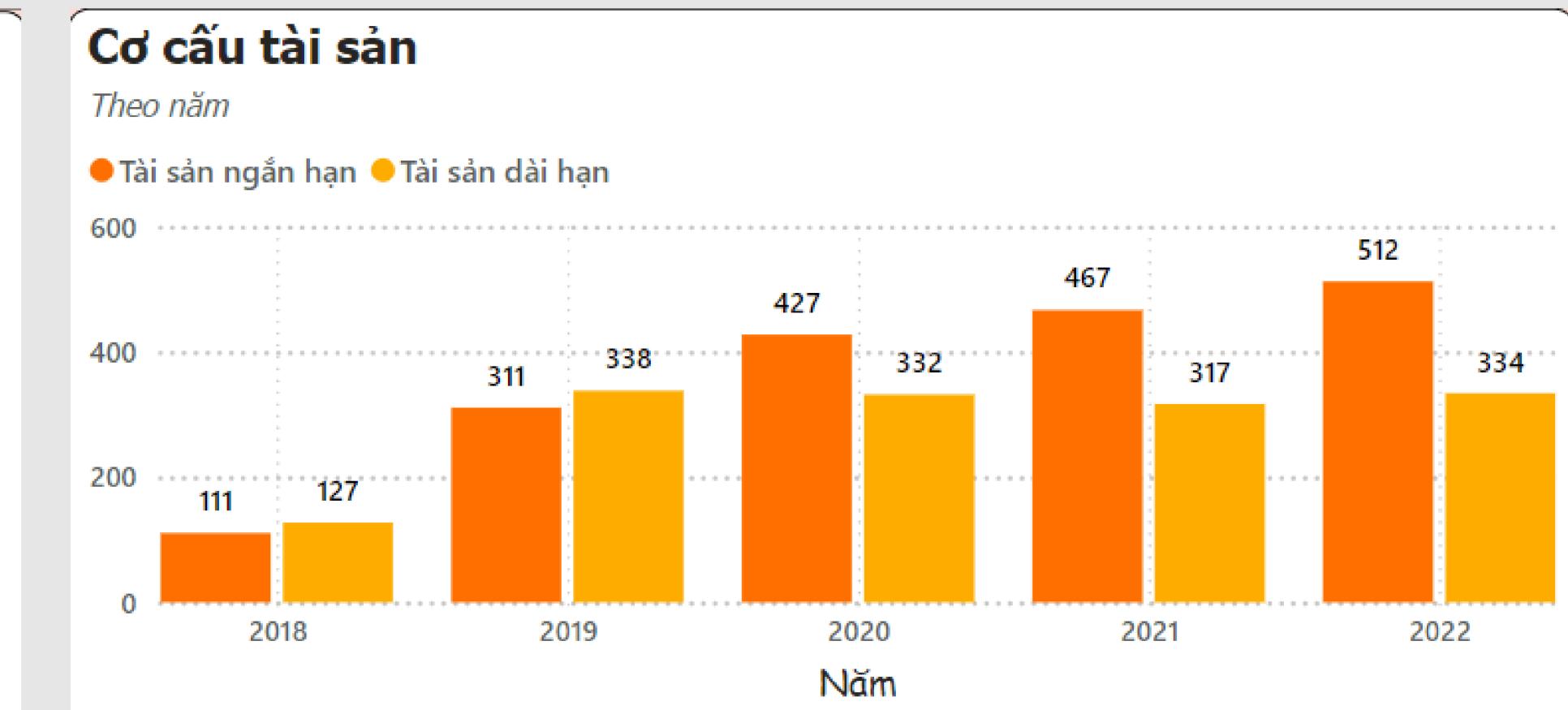


# I. BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN

## TÀI SẢN NGẮN HẠN



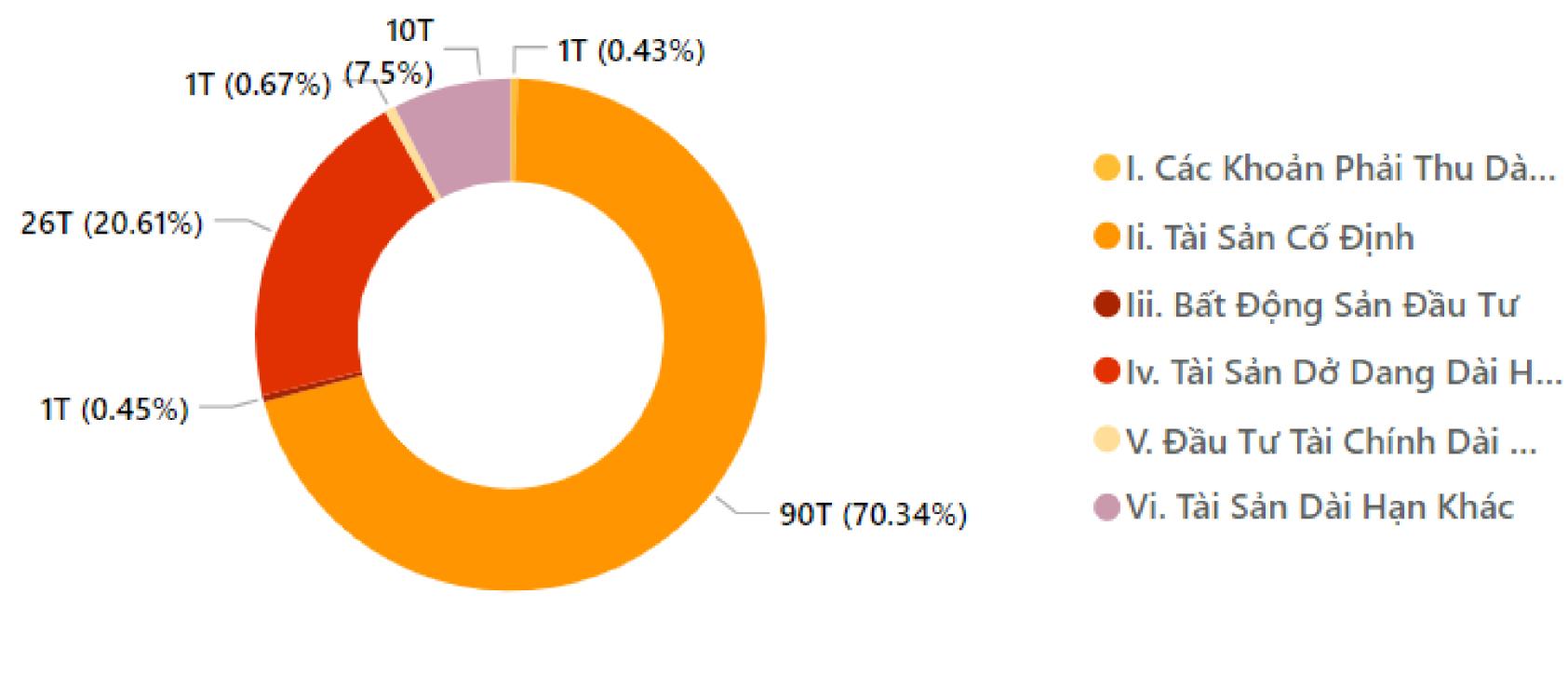
Tài sản ngắn hạn của các công ty bán dẫn tăng từ 111 nghìn tỉ VND năm 2018 lên 512 nghìn tỉ VND năm 2022. **Sự tăng trưởng này cho thấy các công ty đã cải thiện khả năng thanh khoản và quản lý vốn lưu động.** Trong năm 2018, tài sản ngắn hạn chủ yếu bao gồm **các khoản phải thu ngắn hạn (37,64%)** và **tiền và các khoản tương đương tiền (30,87%)**. Đến năm 2022, cơ cấu tài sản ngắn hạn thay đổi với sự gia tăng đáng kể trong **các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho**, phản ánh **các công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất và kinh doanh, đồng thời tăng cường quản lý công nợ và hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu thị trường.**



# I. BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN

## Cơ cấu tài sản dài hạn

Theo năm

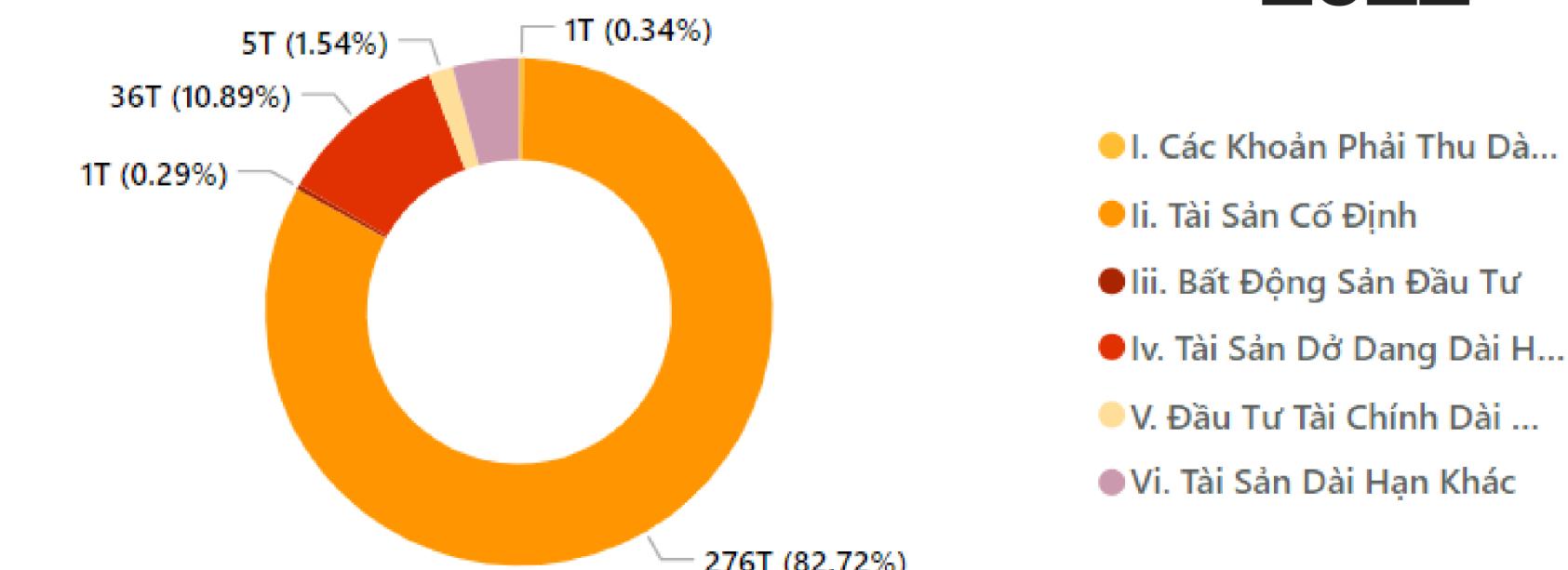


2018

- I. Các Khoản Phải Thu Dài Hạn
- II. Tài Sản Cố Định
- III. Bất Động Sản Đầu Tư
- IV. Tài Sản Dở dang Dài Hạn
- V. Đầu Tư Tài Chính Dài Hạn
- VI. Tài Sản Dài Hạn Khác

## Cơ cấu tài sản dài hạn

Theo năm



2022

- I. Các Khoản Phải Thu Dài Hạn
- II. Tài Sản Cố Định
- III. Bất Động Sản Đầu Tư
- IV. Tài Sản Dở dang Dài Hạn
- V. Đầu Tư Tài Chính Dài Hạn
- VI. Tài Sản Dài Hạn Khác

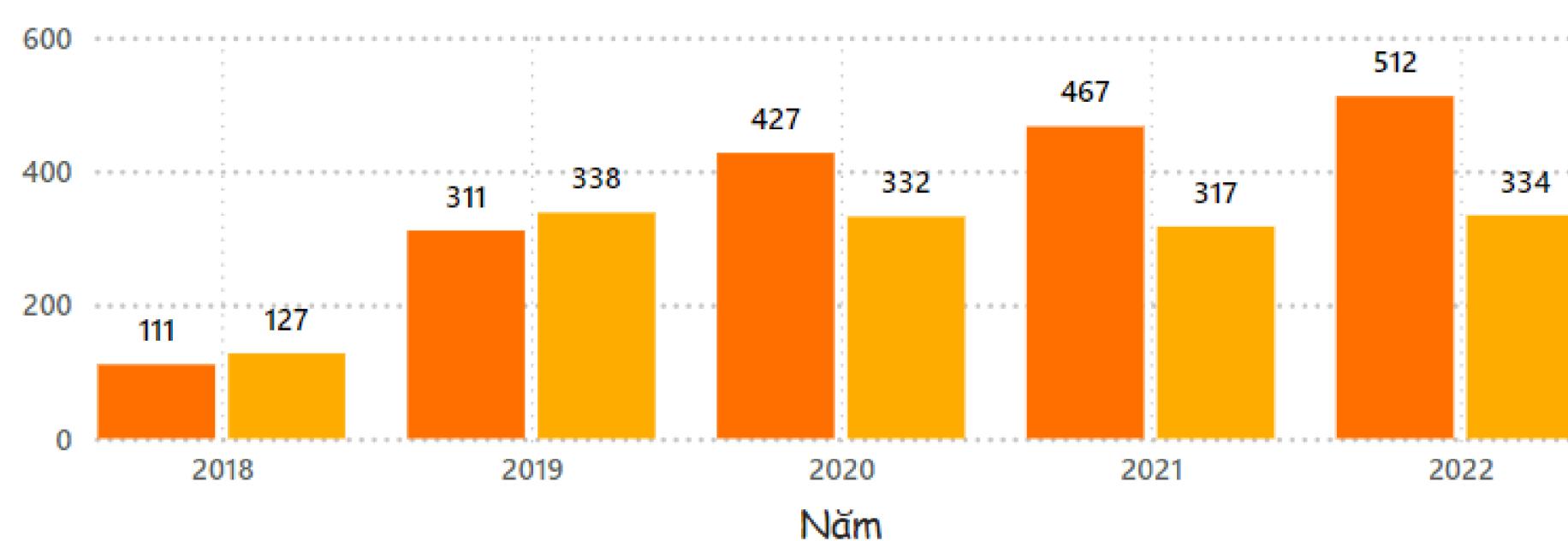
## TÀI SẢN DÀI HẠN

Tài sản dài hạn của các công ty bán dẫn cũng tăng từ **127 nghìn tỉ VND** lên **334 nghìn tỉ VND** trong cùng kỳ. Sự gia tăng này cho thấy **các công ty đã đầu tư mạnh mẽ vào tài sản cố định và các dự án dài hạn nhằm nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh**. Năm 2018, tài sản dài hạn chủ yếu là **tài sản cố định (70,34%)** và **tài sản dở dang dài hạn (20,61%)**. Đến năm 2022, cấu trúc tài sản dài hạn vẫn duy trì tập trung vào tài sản cố định nhưng cũng ghi nhận sự gia tăng trong **đầu tư tài chính dài hạn**, phản ánh **chiến lược đầu tư đa dạng và dài hạn của các công ty**.

## Cơ cấu tài sản

Theo năm

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn



## Cơ cấu tài sản

Sự tăng trưởng của cả tài sản ngắn hạn và dài hạn cho thấy **chiến lược cân bằng của các công ty trong việc duy trì thanh khoản và đầu tư vào tương lai**, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.

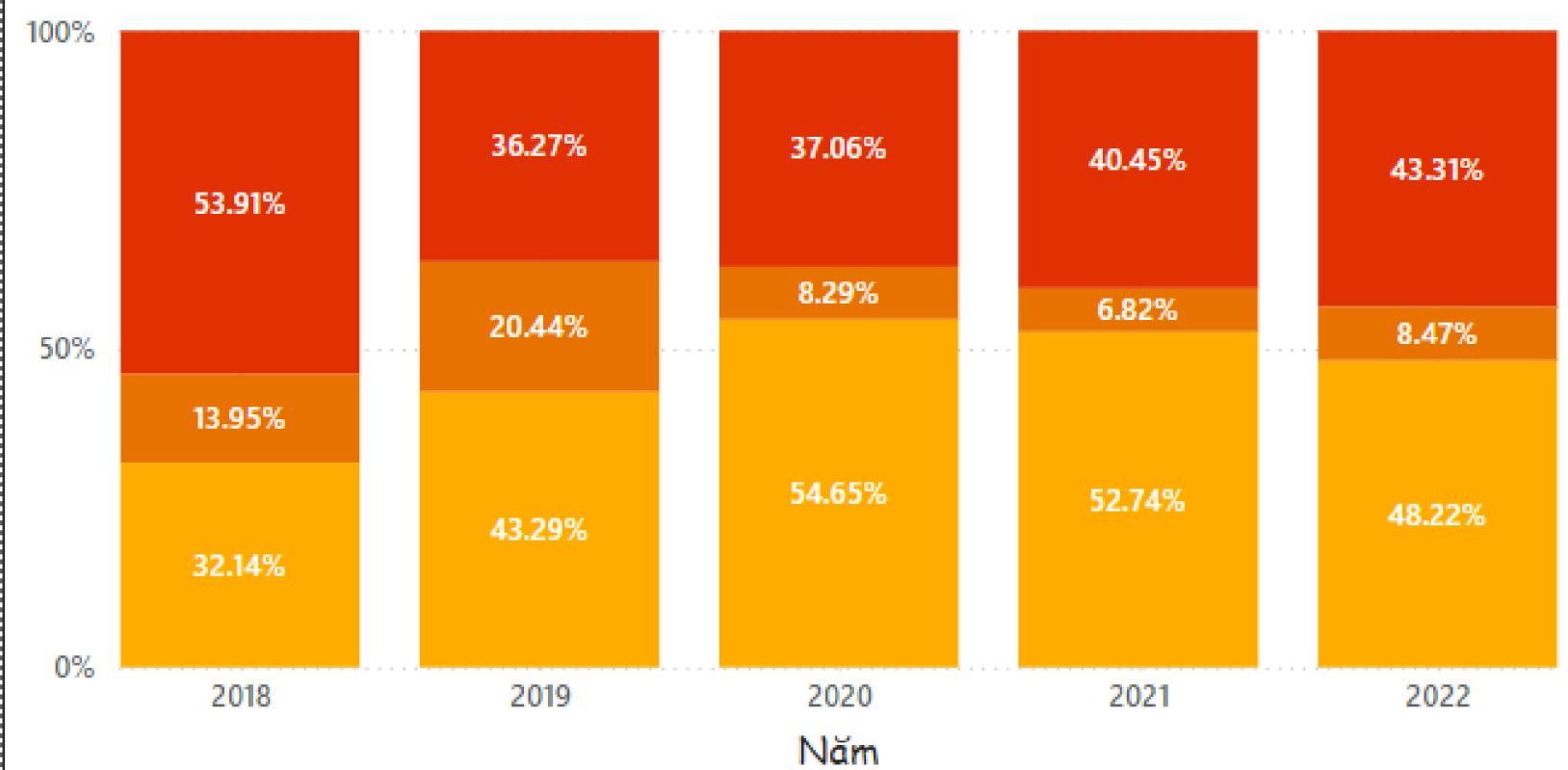
Giai đoạn 2018 - 2022 cho thấy sự phát triển mạnh mẽ và ổn định của ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam. Sự gia tăng tài sản ngắn hạn và dài hạn phản ánh **nỗ lực của các công ty trong cải thiện thanh khoản, mở rộng sản xuất và đầu tư dài hạn**. Dù đối mặt với thách thức từ kinh tế toàn cầu và đại dịch, các công ty bán dẫn Việt Nam đã chứng tỏ khả năng thích ứng và phát triển, tạo triển vọng tích cực cho ngành.

# I. BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN

## Cơ cấu tổng nguồn vốn

Theo năm

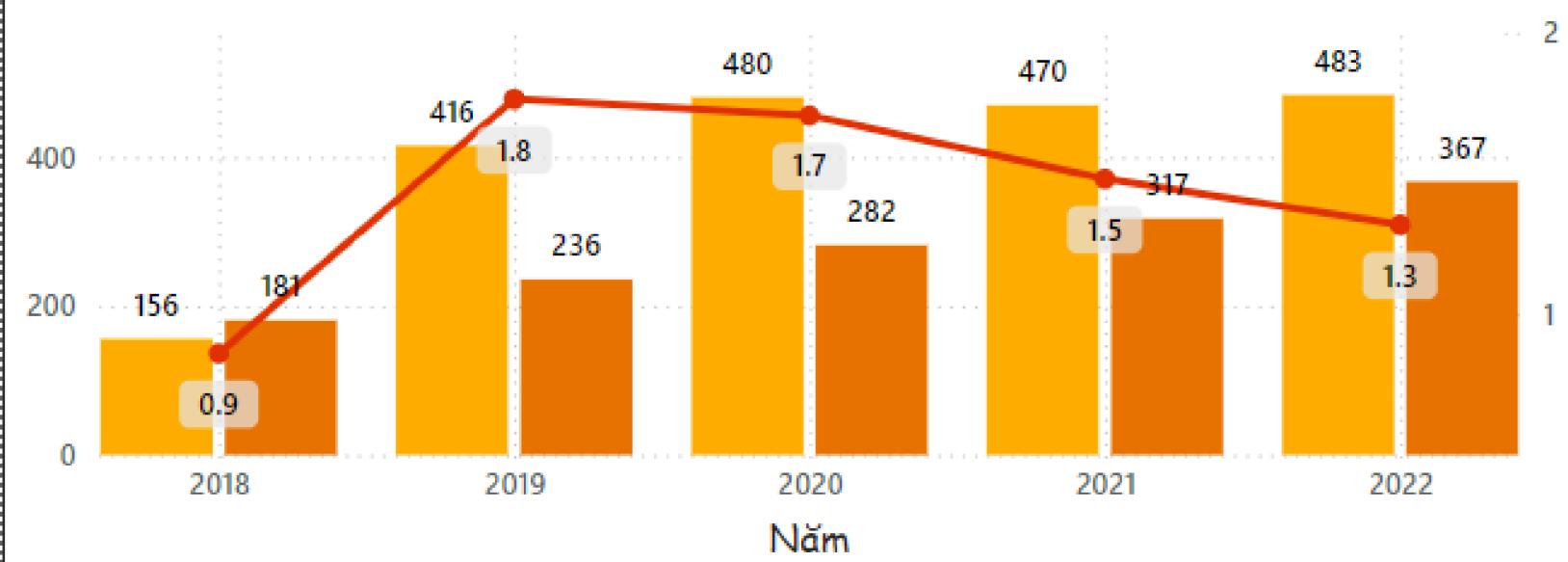
● Nợ ngắn hạn ● Nợ dài hạn ● Vốn chủ sở hữu



## Nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và tỷ lệ D/E

Theo năm

● Nợ phải trả ● Vốn chủ sở hữu ● Tỉ lệ D/E



# CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Năm 2018, nợ ngắn hạn chiếm **32,14%** tổng nguồn vốn, nợ dài hạn chiếm **13,95%**, và vốn chủ sở hữu chiếm **53,91%**. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu (Debt to Equity Ratio) là **0.9**, cho thấy cơ cấu vốn an toàn. Năm 2019, nợ ngắn hạn tăng lên **43,29%**, nợ dài hạn giảm xuống **20,44%**, và vốn chủ sở hữu giảm còn **36,27%**. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng mạnh lên **1.8**, do **cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung làm gián đoạn chuỗi cung ứng**.

Giai đoạn 2020-2021, **nợ phải trả chiếm phần lớn tổng nguồn vốn**, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu giảm dần nhưng vẫn ở mức cao do **đại dịch COVID-19 buộc các công ty phải tăng vay nợ để duy trì hoạt động**. Đến năm 2022, nợ ngắn hạn chiếm **48,22%**, nợ dài hạn chiếm **8,47%**, và vốn chủ sở hữu tăng lên **43,31%**. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu giảm còn **1.3**, cho thấy **các công ty đã cải thiện cơ cấu tài chính, giảm phụ thuộc vào vay nợ và tăng vốn chủ sở hữu**.

## Cơ cấu nguồn vốn

Tóm lại, giai đoạn 2018-2022 đã chứng kiến nhiều biến động trong cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu của các công ty bán dẫn tại Việt Nam. Sự thay đổi này phản ánh chiến lược tài chính linh hoạt và khả năng thích ứng của các công ty trước các sự kiện kinh tế toàn cầu và trong nước. Mặc dù gặp nhiều thách thức, các công ty bán dẫn Việt Nam đã nỗ lực cải thiện cơ cấu tài chính, giảm bớt phụ thuộc vào nợ vay và tăng cường vốn chủ sở hữu, tạo nền triển vọng tích cực cho tương lai của ngành.

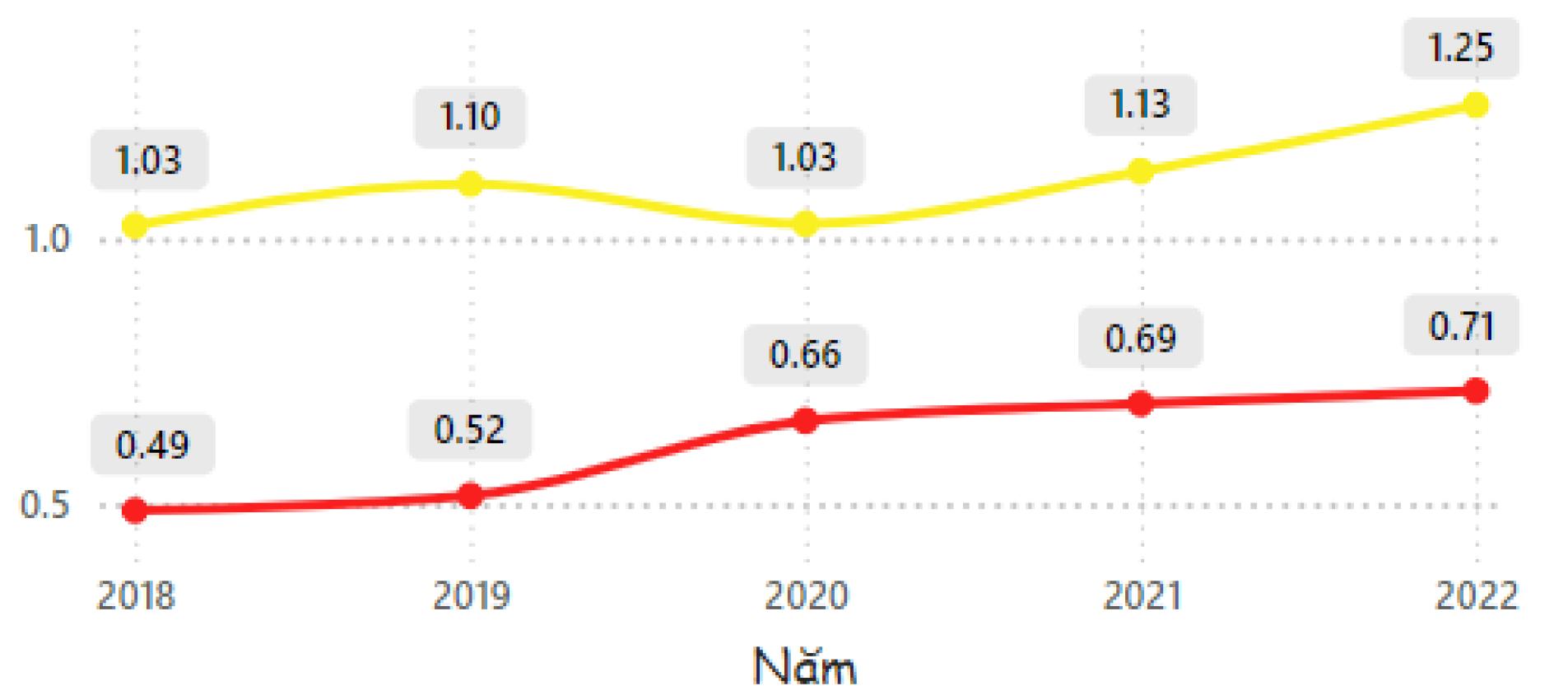
# I. BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN

## CHỈ TIÊU THANH TOÁN

### Chỉ tiêu thanh toán

Theo năm

● Tỷ số thanh toán nhanh ● Tỷ số thanh toán hiện hành



- Tỷ số thanh toán nhanh (Quick Ratio) **tăng từ 0.49 năm 2018 lên 0.71 năm 2022**. Điều này cho thấy các công ty bán dẫn tại Việt Nam đã cải thiện khả năng thanh toán ngắn hạn của mình. Sự tăng trưởng này có ý nghĩa quan trọng vì nó **phản ánh khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn mà không cần phải bán tài sản dài hạn hoặc tìm kiếm nguồn tài chính khẩn cấp**. Đây là dấu hiệu của một hệ thống quản lý tài chính tốt hơn và khả năng duy trì ổn định trong môi trường kinh tế biến động.
- Tỷ số thanh toán hiện hành (Current Ratio) duy trì mức ổn định trên 1, tăng từ 1.03 năm 2018 lên 1.25 năm 2022. **Việc duy trì tỷ số này trên 1** cho thấy các công ty có **khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản lưu động của mình**. Sự ổn định và tăng trưởng nhẹ này chỉ ra rằng các công ty bán dẫn đã **quản lý tốt vốn lưu động của mình, đảm bảo đủ nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục** mà không gặp rủi ro về thanh khoản.

## I. BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN

# KẾT LUẬN

01

**Xu hướng tăng trưởng tích cực:** Công ty cho thấy một xu hướng tăng trưởng tích cực liên tục trong tài sản, vốn chủ sở hữu và quản lý nợ phải trả. Điều này cho thấy sức khỏe tài chính vững mạnh và thực tiễn quản lý thận trọng.

02

**Đầu tư cân bằng vào tài sản:** Sự gia tăng cân bằng trong cả tài sản ngắn hạn và dài hạn cho thấy một cách tiếp cận chiến lược trong quản lý tài sản, hỗ trợ cả nhu cầu vận hành và tăng trưởng dài hạn.

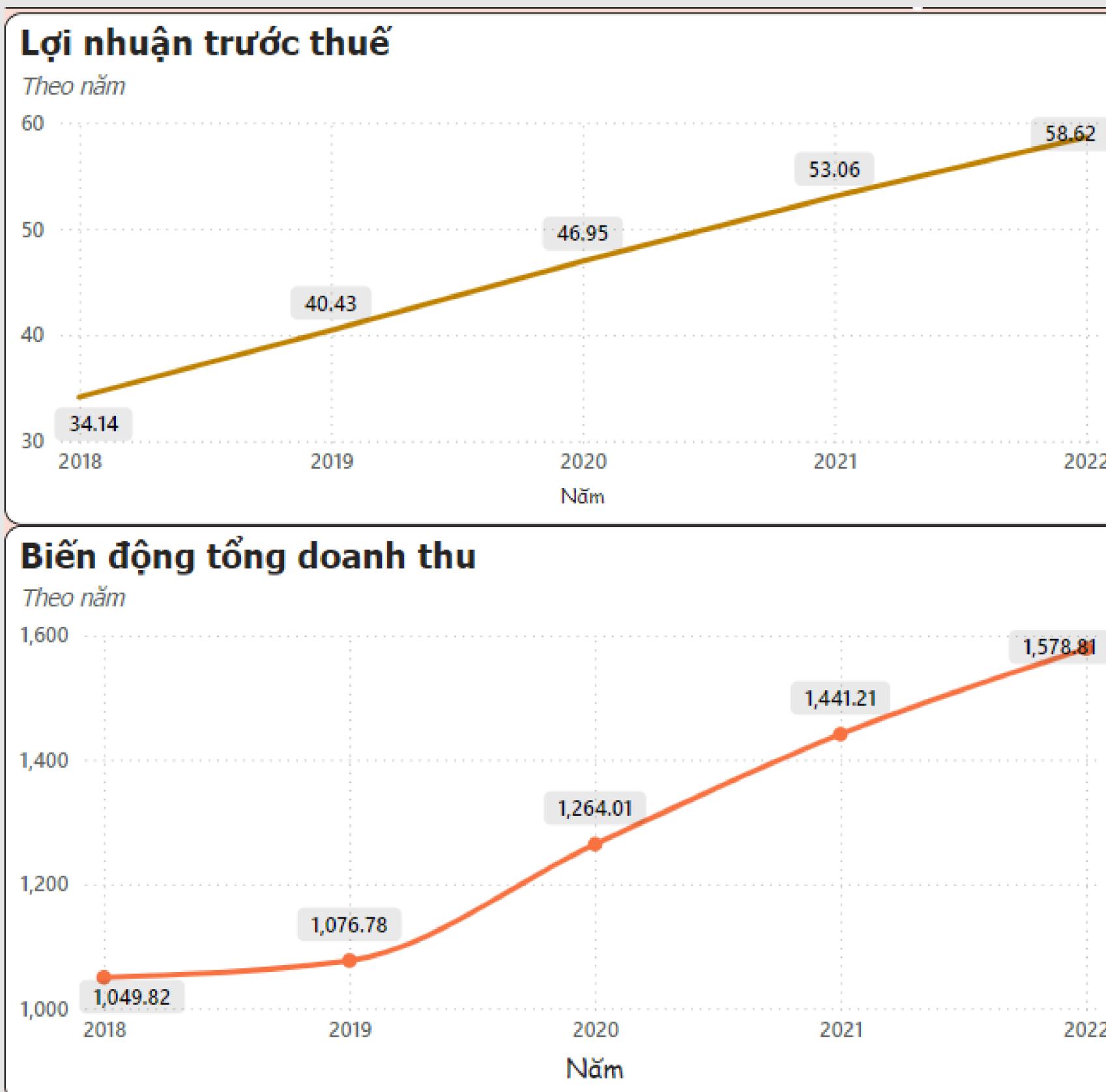
03

**Cải thiện thanh khoản:** Sự cải thiện trong các tỷ số thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành trong các năm cho thấy quản lý thanh khoản tốt hơn, làm cho công ty có khả năng trang trải các nghĩa vụ ngắn hạn tốt hơn.

04

**Cân đối vốn và nợ:** Sự tăng trưởng ổn định trong vốn chủ sở hữu so với nợ cho thấy một cách tiếp cận bền vững đối với tài chính, với công ty không quá phụ thuộc vào nợ, do đó giảm thiểu rủi ro tài chính.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH



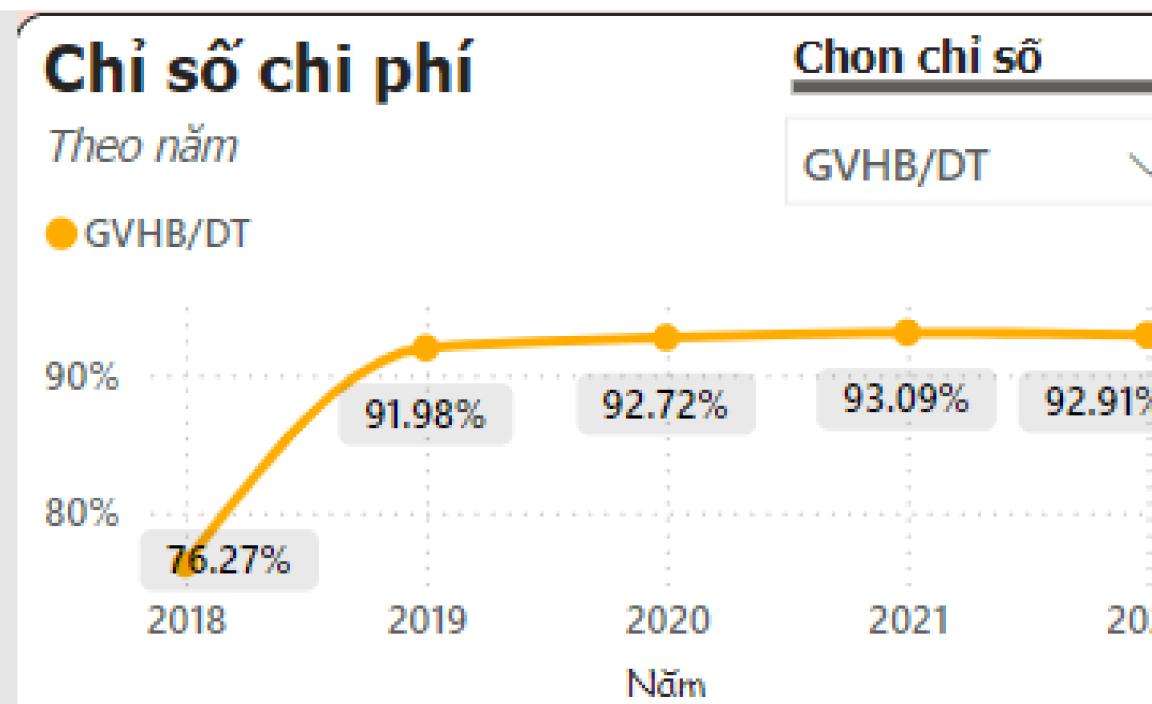
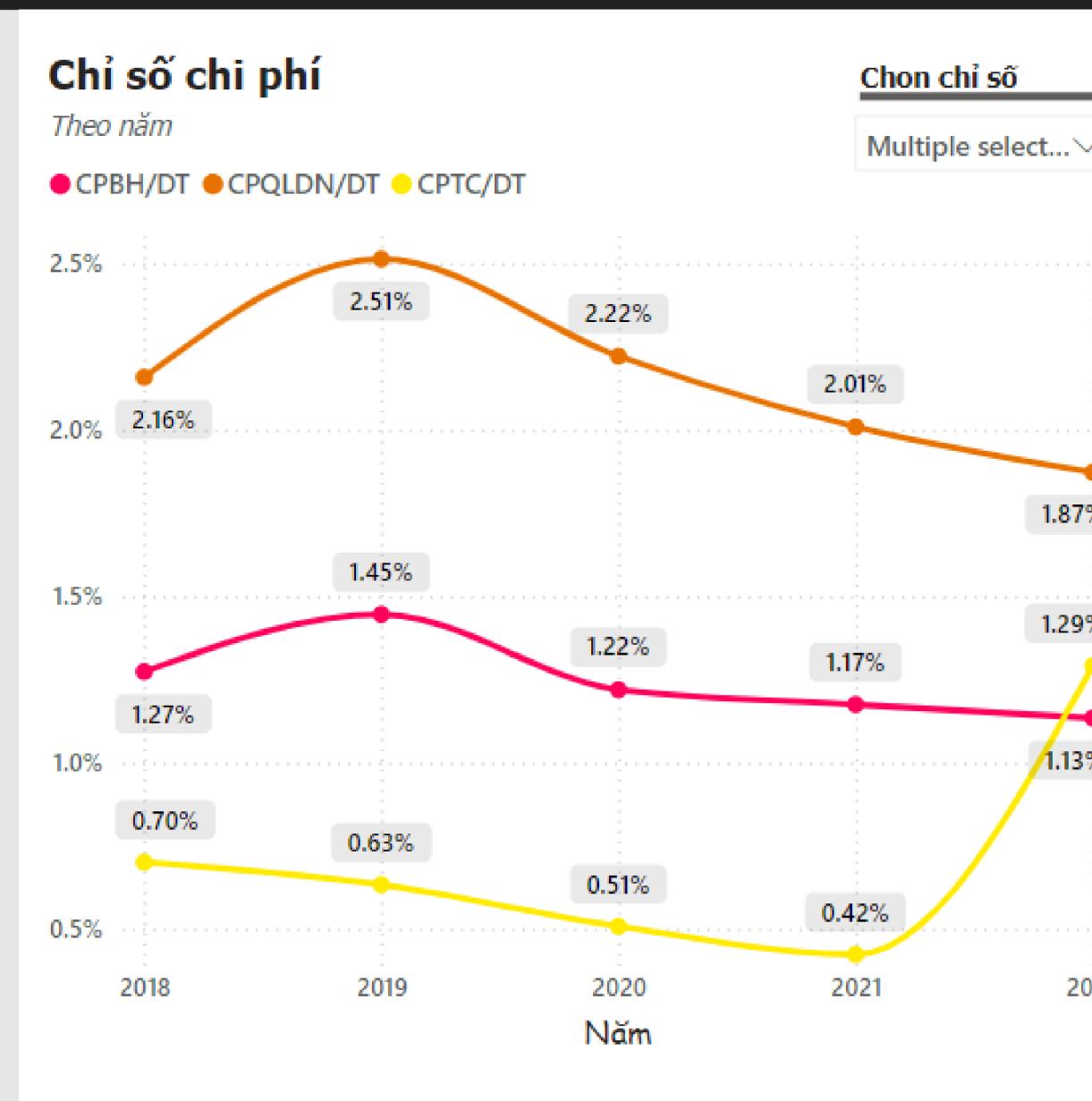
## DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành liên tục tăng trưởng. Đại dịch COVID-19 đã gây ra nhiều gián đoạn trong chuỗi cung ứng, nhưng doanh thu ngành bán dẫn vẫn tăng trưởng từ **1,049.82 nghìn tỉ VND** năm 2018 lên **1,578.81 nghìn tỉ VND** năm 2022.

Biểu đồ EBIT cho thấy lợi nhuận trước lãi vay và thuế của các công ty bán dẫn tăng từ **34.14 nghìn tỉ VND** năm 2018 lên **58.62 nghìn tỉ VND** năm 2022. Các công ty bán dẫn tại Việt Nam đã nhanh chóng thích ứng với tình hình mới, tìm kiếm các giải pháp thay thế và tối ưu hóa chuỗi cung ứng để duy trì sản xuất. Sự gia tăng này phản ánh **hiệu quả hoạt động kinh doanh được cải thiện, khả năng thích ứng và quản lý rủi ro tốt của các công ty trong ngành**, với doanh thu tăng mạnh qua các năm.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### CÁC CHỈ SỐ CHI PHÍ



Tỉ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu (CPBH/DT) và tỉ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu (CPQLDN/DT) đều duy trì ở mức thấp và ổn định. Sự ổn định này cũng được thể hiện rõ qua **tỷ lệ GVHB/DT duy trì ở mức cao nhưng ổn định**. Việc duy trì tỷ lệ GVHB/DT ở mức ổn định cao có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt trong ngành công nghiệp bán dẫn, nơi chi phí sản xuất chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Sự ổn định này cho thấy sự quản lý chi phí sản xuất hiệu quả, giúp các công ty duy trì lợi nhuận trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt.

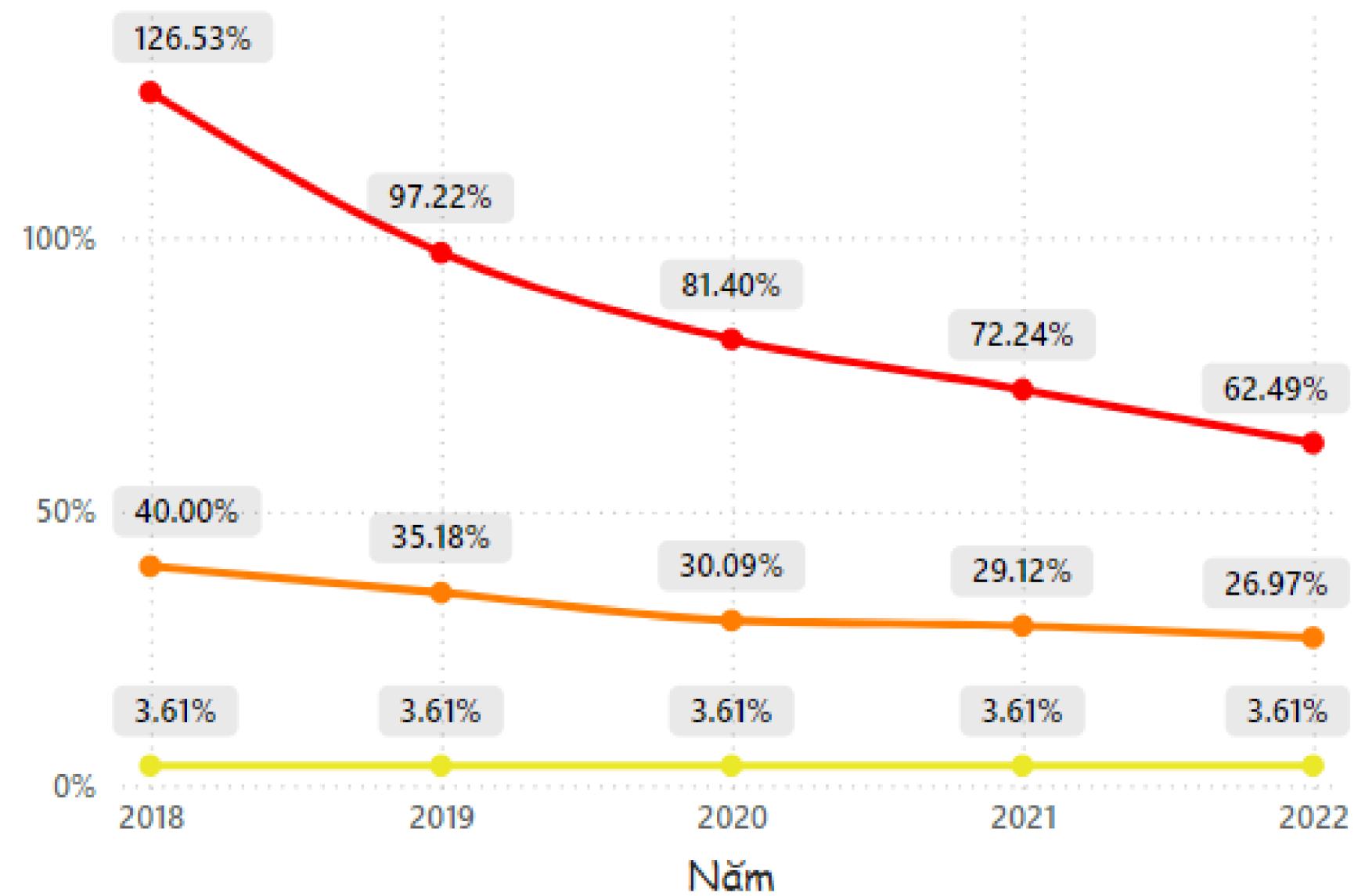
Bên cạnh đó, tỉ lệ chi phí tài chính trên doanh thu (CPTC/DT) từ năm 2018 đến năm 2021 duy trì ở mức thấp, từ 0,70% xuống 0,42%, nhưng năm 2022 tăng mạnh lên 1,29%. Sự gia tăng này có thể do **lãi suất vay tăng hoặc các công ty phải vay nợ nhiều hơn để duy trì hoạt động và đầu tư trong bối cảnh khó khăn kinh tế**. Điều này cần được quản lý cẩn thận để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận trong tương lai.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

## Chỉ số khả năng sinh lời

Theo năm

ROS ROA ROE



## CÁC CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Tuy nhiên, ngoại trừ chỉ số lợi nhuận trên doanh thu (ROS) giữ ổn định, lợi nhuận trên tài sản (ROA) và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều có **xu hướng giảm** trong giai đoạn này. ROE giảm từ **126.53%** năm 2018 xuống **62.49%** năm 2022, ROA giảm từ **40 %** xuống **26.97%**, và ROS giữ ổn định ở mức **3.61%**. Điều này cho thấy mặc dù doanh thu và lợi nhuận tăng, **tỉ lệ lợi nhuận so với doanh thu và tài sản đã giảm do sự cạnh tranh và chi phí tăng cao.**

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Tóm lại, giai đoạn 2018-2022 đã chứng kiến sự phát triển ổn định và mạnh mẽ của ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam. Sự gia tăng doanh thu và lợi nhuận phản ánh nỗ lực và chiến lược của các công ty trong việc cải thiện hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa chi phí và đáp ứng nhu cầu thị trường. Bất chấp những thách thức từ bối cảnh kinh tế toàn cầu và đại dịch COVID-19, các công ty bán dẫn Việt Nam đã chứng tỏ khả năng thích ứng và phát triển, tạo nên triển vọng tích cực cho tương lai của ngành.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

# KẾT LUẬN

01

**Doanh thu tăng trưởng mạnh:** Sự tăng trưởng liên tục trong doanh thu tổng cộng cho thấy công ty đã mở rộng được thị phần và cải thiện hiệu quả kinh doanh. Đây là một tín hiệu tích cực về sự phát triển dài hạn.

02

**Tăng trưởng lợi nhuận ổn định:** Công ty đã thể hiện sự tăng trưởng ổn định trong lợi nhuận trước thuế, điều này là một tín hiệu tích cực về khả năng sinh lời và quản lý hiệu quả.

03

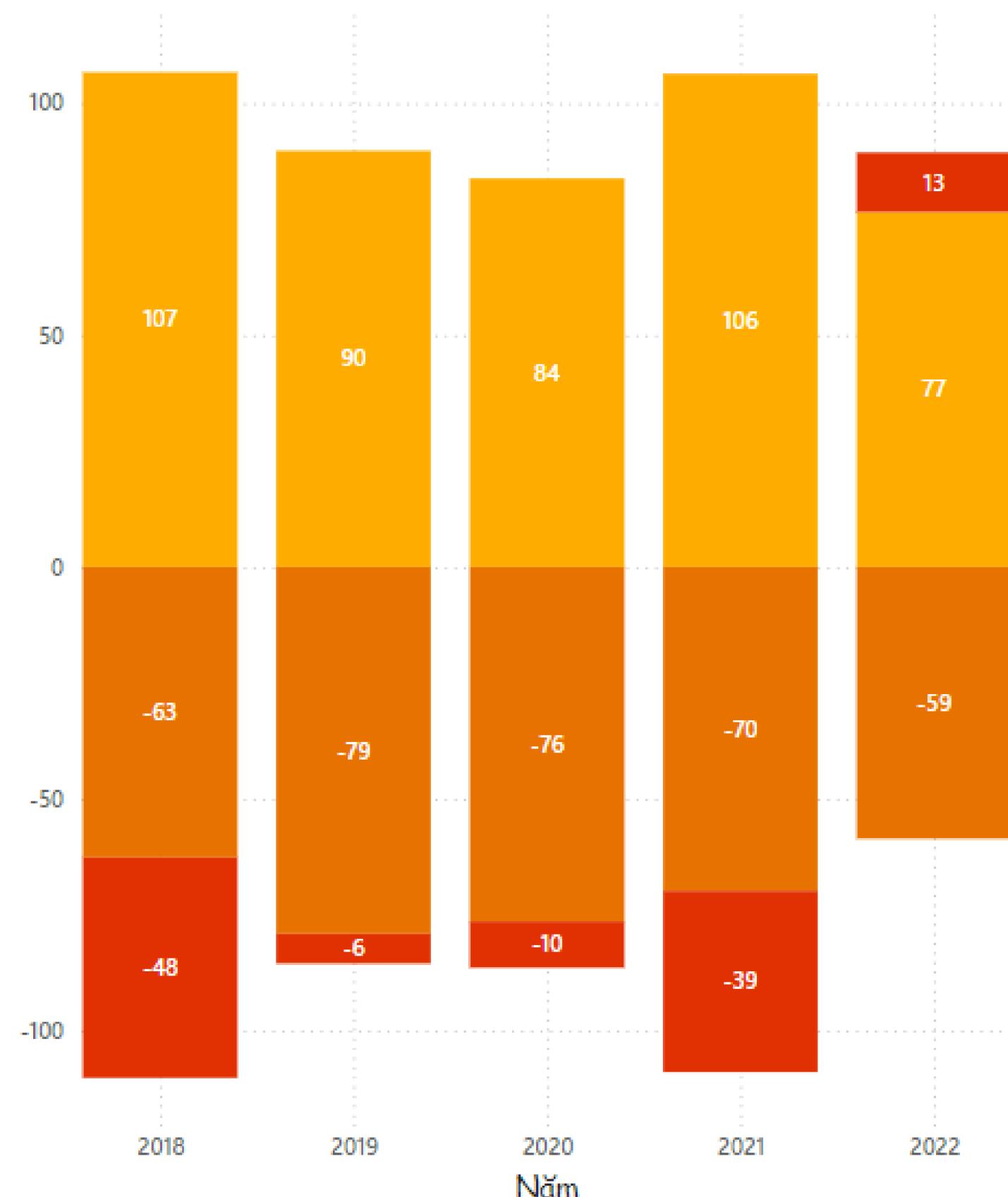
**Khả năng sinh lời duy trì:** Mặc dù chỉ số ROA và ROE có xu hướng giảm, ROS vẫn duy trì ổn định. Điều này cho thấy công ty vẫn có thể duy trì một tỷ suất lợi nhuận ổn định trên doanh thu, mặc dù có sự thay đổi trong cấu trúc tài sản và vốn chủ sở hữu.

### III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### Biên động dòng tiền theo nguồn gốc

Theo năm

● Hoạt động kinh doanh ● Hoạt động đầu tư ● Hoạt động tài chính



## BIẾN ĐỘNG DÒNG TIỀN

+ Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh liên tục giảm từ **107 nghìn tỉ VND** năm 2018 xuống **77 nghìn tỉ VND** năm 2022. Điều này phản ánh sự khó khăn mà các công ty gặp phải trong việc tạo ra tiền mặt từ hoạt động kinh doanh chính của họ. Nguyên nhân có thể là do **sự gia tăng chi phí hoặc giảm doanh thu do các yếu tố như cạnh tranh khốc liệt và gián đoạn chuỗi cung ứng do đại dịch COVID-19**.

+ Trong khi đó, dòng tiền từ hoạt động đầu tư có xu hướng tăng dần từ **-63 nghìn tỉ VND** năm 2018 lên **-59 nghìn tỉ VND** năm 2022. Mặc dù dòng tiền vẫn âm, nhưng sự gia tăng này cho thấy **các công ty đã giảm mức đầu tư hoặc đã bắt đầu thu hồi vốn từ các khoản đầu tư trước đó**. Đây có thể là một **chiến lược để giảm thiểu rủi ro tài chính** trong bối cảnh bất ổn kinh tế do đại dịch.

+ Hoạt động tài chính của các công ty cho thấy sự biến động lớn, từ **-48 nghìn tỉ VND** năm 2018 lên **-39 nghìn tỉ VND** năm 2021, sau đó tăng lên **12,78 nghìn tỉ VND** năm 2022. Sự biến động này có thể phản ánh việc các công ty đã **tăng cường huy động vốn thông qua các khoản vay hoặc phát hành cổ phiếu, nhưng cũng phải trả nợ và chi trả cổ tức**.

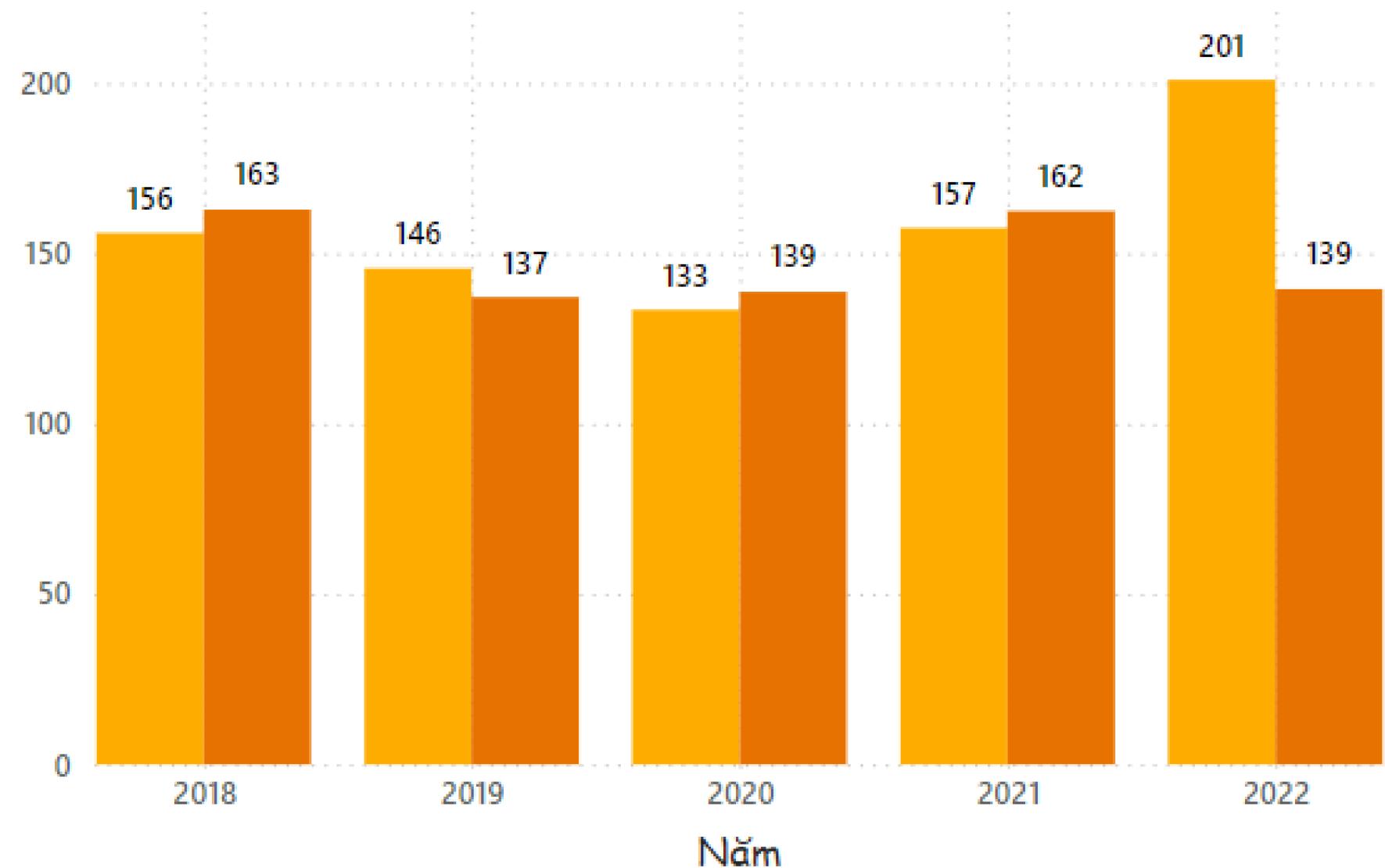
### III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### BIẾN ĐỘNG DÒNG TIỀN

##### Biên động dòng tiền

Theo năm

● Dòng tiền vào ● Dòng tiền ra



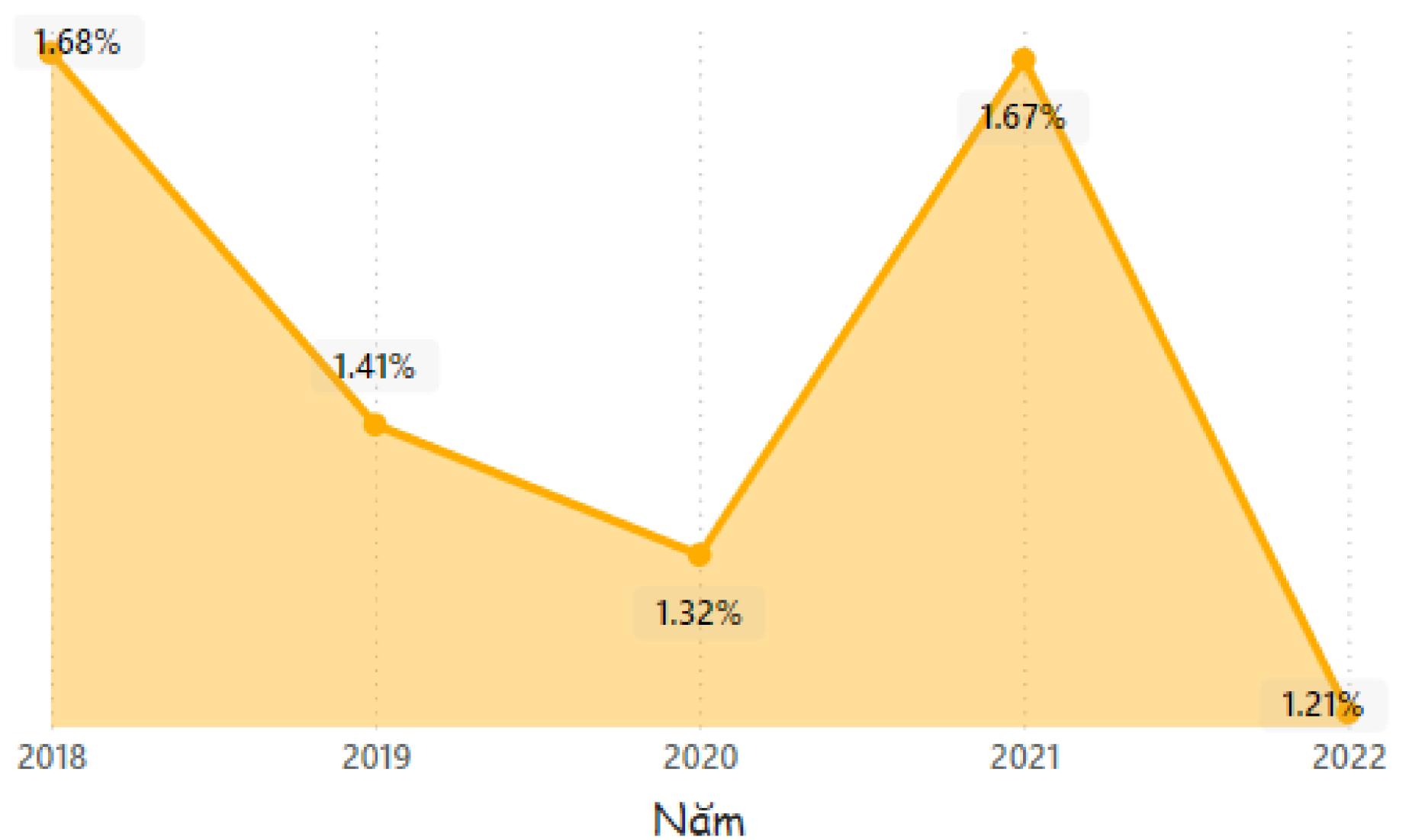
Biểu đồ về biến động dòng tiền theo năm cung cấp cái nhìn chi tiết hơn về dòng tiền vào và ra của các công ty bán dẫn. Dòng tiền vào có xu hướng giảm từ **156 nghìn tỉ VND** năm 2018 xuống **133 nghìn tỉ VND** năm 2020, sau đó tăng lên **201 nghìn tỉ VND** năm 2022. Sự tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2022 cho thấy các công ty đã **nỗ lực tăng cường thu hồi tiền mặt**, có thể thông qua việc **cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh** hoặc **tăng cường các biện pháp quản lý công nợ**. Dòng tiền ra cũng giảm từ **163 nghìn tỉ VND** năm 2018 xuống **137 nghìn tỉ VND** năm 2019, sau đó tăng lên **162 nghìn tỉ VND** năm 2021 trước khi có một sự giảm nhẹ vào năm 2022. **Sự giảm dòng tiền ra trong giai đoạn đầu** có thể phản ánh **các biện pháp tiết kiệm chi phí** và **cắt giảm đầu tư**, trong khi **sự tăng lên vào năm 2021** có thể do **các công ty đầu tư trở lại** sau khi **tình hình kinh tế ổn định hơn**.

### III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### BIẾN ĐỘNG DÒNG TIỀN THUẦN TRÊN DOANH THU

##### Dòng tiền thuần trên doanh thu

Theo năm



Giai đoạn 2018 - 2022 cho thấy dòng tiền thuần trên doanh thu của các công ty bán dẫn tại Việt Nam có sự biến động rõ rệt. Sau mức cao năm 2018, **dòng tiền thuần giảm dần** do các yếu tố như **chiến tranh thương mại, đại dịch COVID-19 và các gián đoạn chuỗi cung ứng**. Mặc dù có sự **hồi phục mạnh mẽ vào năm 2021**, nhưng đến **năm 2022**, dòng tiền thuần trên doanh thu lại **giảm xuống mức thấp nhất**, phản ánh những thách thức liên tục mà các công ty phải đối mặt như **chi phí nguyên liệu tăng cao, gián đoạn chuỗi cung ứng kéo dài, và các biến động kinh tế toàn cầu**. Điều này cho thấy sự cần thiết của các biện pháp quản lý tài chính và chiến lược ứng phó linh hoạt để duy trì hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh kinh tế biến động.

## BIẾN ĐỘNG DÒNG TIỀN

Tóm lại, giai đoạn 2018-2022 đã chứng kiến nhiều biến động dòng tiền của các công ty bán dẫn tại Việt Nam. Các công ty đã trải qua nhiều thách thức về dòng tiền, từ việc tạo ra tiền mặt từ hoạt động kinh doanh đến việc quản lý các khoản đầu tư và huy động vốn. Những thách thức này đã buộc các công ty phải điều chỉnh chiến lược tài chính và quản lý rủi ro để duy trì hoạt động trong bối cảnh kinh tế không chắc chắn. Tuy nhiên, sự phục hồi và tăng trưởng trong năm 2022 cho thấy sự nỗ lực và khả năng thích ứng của các công ty bán dẫn Việt Nam trong việc đối mặt với các thách thức và tận dụng các cơ hội để phát triển bền vững.

### III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

## KẾT LUẬN

01

**Quản lý đầu tư hiệu quả:** Hoạt động đầu tư có sự thay đổi rõ rệt trong năm 2022, đặc biệt là sau năm 2020 khi dòng tiền đầu tư giảm mạnh. Điều này là kết quả của việc tối ưu hóa các khoản đầu tư hoặc thay đổi chiến lược đầu tư trong bối cảnh dịch bệnh khó khăn và hậu dịch.

02

**Chiến lược tài chính linh hoạt:** Dòng tiền từ hoạt động tài chính biến động theo từng năm, nhưng năm 2022 cho thấy một sự gia tăng đáng kể. Điều này có thể là kết quả của các quyết định tài chính như phát hành cổ phiếu, vay nợ, hoặc các hoạt động tài chính khác để hỗ trợ cho sự phát triển của công ty.

03

**Sự ổn định và tăng trưởng dòng tiền vào:** Dòng tiền vào tăng ổn định qua các năm, điều này là một dấu hiệu tích cực về khả năng tạo ra tiền mặt của công ty.

04

**Tỷ lệ dòng tiền thuần trên doanh thu giảm:** Tỷ lệ này giảm từ 1.68% xuống 1.21% cho thấy có sự gia tăng trong chi phí hoạt động hoặc đầu tư, điều này cần được quản lý để đảm bảo sự cân đối giữa thu nhập và chi phí.

## TỔNG KẾT

Kết luận, giai đoạn 2018-2022 cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam. Giai đoạn 2018 - 2022, ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam đã trải qua nhiều biến động nhưng vẫn đạt được những thành tựu đáng kể. Các công ty trong ngành đã cải thiện khả năng thanh khoản, quản lý nợ tốt hơn và đầu tư mạnh mẽ vào tài sản dài hạn. Sự phát triển này phản ánh khả năng thích ứng và quản lý hiệu quả của các công ty trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy thách thức.

Mặc dù vẫn gặp nhiều thách thức về chi phí và cạnh tranh, bối cảnh các sự kiện toàn cầu như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, đại dịch COVID-19 và khủng hoảng kinh tế do xung đột Nga - Ukraine nhưng với sự hỗ trợ của chính phủ và nhu cầu ngày càng tăng về các sản phẩm bán dẫn trên toàn cầu, triển vọng tương lai của ngành là rất khả quan với tiềm năng phát triển dài hạn.

**THANKS FOR YOUR  
WATCHING!**

